TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Tiếng xưng-hô của mọi người mình — *Hoa-Bằng*
* Tùy hứng — *Tiên-Đàm*
* Cần phải cứu sống những nhà văn, nhà báo — *Phạm Mạnh Phan*
* Phê-bình hai vở kịch « Kinh-Kha » và « Ông Kỳ Cóp » — *Tố-Phang*
* Hai xuân oanh liệt của nước Việt-nam ta (II) Hết — *Dương-Kị*
* Ông Lê-Ngô-Cát — *Vân-Thạch*
* Hoa mai (Hết) — *Kiều-Thanh-Quế*
* Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh (II) — *Nguyễn Triệu*
* Tình trạng nền hòa-nhạc... (I) — *Nhật-Nham*

Năm thứ ba — Số 84
Thứ năm, 25 Février 1943

0 $ 20

Góp chút kiến-giải vào từ-ngữ học

TIẾNG XƯNG HÔ CHA MẸ

của người mình phải chăng đã chỉ rõ những vết biến thiên trên lịch sử dân tộc Đại-Việt ?

HOA-BẰNG

PHẦN nhiều thứ tiếng trên thế-giới, vần đầu trong tiếng con trẻ kêu cha thường phát âm bằng chữ b *hoặc* p.

Trẻ Tàu kêu « ba ba » 爸爸;

Trẻ Pháp gọi « papa »;

Trẻ Nam kêu là « *bô* » *hoặc* « *bố* »...

***

Từ đời thượng cổ, dân ta đã kêu cha là « *bô* » *(gần âm với* bố*). Trong truyện* Hồng-bàng-thị *ở* Lĩnh-Nam trích quái *có chép :* « *Dân hễ có sự gì thì kêu gọi vua Lạc-long ;* « Bô *ơi ! sao không đến cứu chúng tôi ?* » *Rồi tác-giả sách ấy chua ở dưới :* « *Người Nam gọi cha bằng* bô,... *là bắt đầu từ đó* ».

Đến khoảng cuối thế-kỷ thứ VIII, người nước ta vẫn kêu cha là bố, *mẹ là* cái. *Chứng cớ là, sau khi vua Phùng-Hưng mất (Phùng-Hưng phục quốc năm 791, có lẽ thăng hà vào khoảng sau đó một, hai năm), người nước lập con là Phùng-An làm đô phủ quân, tôn Phùng Hưng làm Bố Cái đại vương (Khâm-định Việt-sử thông giám cương mục, tiền biên, quyển IV, tờ 26).*

Như vậy, ta có thể nói : « *bô* » *hoặc* « *bố* » *là tiếng* « *chính-ng* » *của dân tộc Đại-Nam. ...n* « *cha, bác, thày, cậu, ba* » *...ày khác chỉ là những tiếng hoặc biến chuyển mà gia nhập, hoặc ngoại lai mà hóa thành.*

Do những tiếng xưng-hô cha mẹ đó, này thử xét qua lịch-sử tiến hóa của dân tộc ta.

Tiếng « *bố* » *là* « *cha* » *ấy còn sống mãi đến bây giờ. Vì ở những nhà bình dân trong những hương thôn xa thành thị còn kêu như vậy. Mà trong văn liệu ta cũng còn dùng đến tiếng* « *bố* » *ấy. Gần đây người ta vẫn truyền tụng câu đối của một thày dạy chữ nho :*

« Bồ đầu *bộ* lấy tiền » *(1).*

Còn tiếng « *cái* » *là* « *mẹ* » *? Bây giờ hình như không thấy dân gian dùng nữa. Nhưng do tiếng* « *cái* » *là* « *mẹ* » *ấy, ta có thể đoán : dân ta ban đầu là theo chế-độ mẫu-hệ, nên tiếng* « *cái* » *đã phổ thông trong dân gian và được ứng dụng vào cả ca dao, tục ngữ ;*

« Con dại, *cái* mang » ;

và :

« Tháng chín thì quít đỏ trôn,
« Tháng ba, ngải mọc, *cái* con tìm về ! »

Về sau, do sức phản động của nam-giới, chế-độ phụ-hệ ngày một mạnh, lấn át được mẫu quyền, nên có lẽ vì thế, tiếng « *cái* » *dần bị xóa nhòa trong vòng đại-chúng.*

Chữ hán nhờ quân-sự và chính trị được « *nhập-cảng* » *xứ này. Văn-hóa ngoại lai theo sức bành trướng của Hán-học, dần dần chiếm được địa vị ưu thắng hơn văn-hóa cố-hữu của người mình.*

Ban đầu học chữ hán : Phụ *là* cha, Mẫu *là* mẹ. *Người ta vẫn đặt cha mẹ ngang hàng với nhau. Nhưng sau đó, hạng* « *cha* », *vì được riêng hưởng giáo-dục, vì được luân-lý nâng đỡ và pháp-luật bênh-vực, càng ngày càng bước lên địa-vị cao-quý mà đứng vào hàng thống-trị.*

Một khi cha, chồng ở trong gia-đình đã được tôn làm hạng người hướng-đạo và đạy dỗ vợ con, lẽ tất nhiên được đóng vai làm « *thày* » *là bậc cao hơn địa-vị* « *cha* » *một tầng nữa.*

Trình-độ phụ-nữ vẫn thấp kém vì không được hưởng-thụ giáo dục như đàn ông và không được pháp-luật che-chở bênh-vực như ở những nước tiến-tiến, nên địa vị người mẹ vẫn cứ đứng yên như trước, trong khi người đàn ông đã từ địa-vị « *cha* » *được nâng lên địa vị* « *thày* » *rồi. Vì vậy, trong nhiều gia-đình, trước khi Đông Tây gặp nhau, vẫn thông-*

thường kêu phụ mẫu là « thầy mẹ », chứ trong tiếng khẩu-ngữ không thấy gọi là « cha mẹ » như trong « văn ngữ ».

Căn-cứ vào đấy, ta có thể nói : trình-độ phụ-nữ xứ nầy, sau khi từ chế-độ mẫu quyền chuyển sang chế-độ phụ-quyền, thường đứng im không tiến mà bao giờ cũng đi sau nước bước của phái đàn ông.

***

Từ khi người mình âu-hóa, thời buổi chuộng thiếu-niên, hiếu-thượng của phần đông dần bị lôi cuốn theo hoàn-cảnh. Vả, từ chế-độ tư-thục tự-do bước sang chế-độ học-đường công-lập, nhiều người xao-nhãng về việc gia-đình giáo-dục, quên lửng cái lối đình-huấn của thời-kỳ mực tàu giấy bản, vì lầm tưởng rằng đẻ con ra, đến tuổi cho đi trường học, nhờ xã-hội giáo-dục là đủ, chứ người làm cha không cần phải kiêm cái chức làm « thầy » nữa.

Vì vậy, trong cách xưng-hô của con cái đã từ « thầy mẹ » chuyển sang « cậu mợ », rồi lại từ « cậu mợ » chuyển sang « ba, me ».

Ta nên chú ý vào tiếng « me » và tiếng « cậu mợ » ở hiện đại đương dùng.

« Me » là do tiếng « mère » của Pháp mà ra. Ban đầu nó « nhập cảng » vào những gia-đình ông Ký, ông Thông, ông Phán... Rồi dần dần những nhà khác cũng ùa-ạt bắt chước để tỏ ra ta cũng biết mới và thích mới đây.

TÙY HỨNG

Nơ hoa

Cuối đông mai chớm nở,
Đầu xuân hoa rực rỡ :
Song song kín trên cành,
Hàng hàng chen cánh lá ;
Quả mai ba bảy vừa,
Má đào thêm hớn-hở.
Yêu hoa hỏi những ai
Mộng mai chuyện còn nhớ...?

***

Tự thuật

Bốn mươi cái xuân qua,
Thế sự một giấc mơ ;
Công danh tuy đã gác,
Sự nghiệp vẫn mong chờ :
Năm châu mờ khói lửa,
Bốn bể sóng cồn xa :
Bên song chồng sách cũ,
Há chỉ chuyện vần vơ?

TIÊN-ĐÀM
Xuân Quí mùi

Lớp lão đại đến đây bị đời nhìn bằng cặp mắt không thích, vì người ta thấy trong giới tân học, nhiều người trẻ tuổi, rất được trọng dụng, nên đổ xô về mặt hâm-mộ hạng trẻ, ca tụng tuổi anh-niên. Nhiều cặp vợ chồng tuy còn ít tuổi mà đã nghiễm-nhiên đứng chủ một tiểu gia-đình, rất thích cho con cái mình kêu là « cậu mợ », để thay cho tiếng « thầy mẹ », một lối xưng-hô có vẻ nghiêm-trang già-lão.

Đồng thời, nền kinh-tế trong xứ khi đó bị lung-lay vì kỹ-nghệ máy móc, người ta không thể cứ trông vào mảnh vườn thước ruộng mà mong đủ no ấm cho một gia-đình, nên hạng thiếu-niên trong dân quê nhiều người phải rời đồng-bái mà ra làm ăn buôn bán ở thành thị. Rồi chịu ảnh-hưởng của hoàn-cảnh, người ta cũng bảo con cái kêu cha mẹ là « cậu mợ » như những gia-đình quyền-quý hoặc công chức nọ kia.

« Cậu mợ » nguyên là tiếng nhà quyền-quí dùng để kêu dâu, con. Bây giờ nhiều nhà thường kêu cha mẹ là « cậu mợ » thì tiếng « cậu, mợ » ấy theo một nghĩa rộng hơn khi nó chưa được dùng làm tiếng xưng hô cha mẹ.

***

Hiện nay, ở ngoài Bắc, tiếng xưng hô cha mẹ đang ở trong thời-kỳ quá-độ.

Có nhiều gia-đình đã kêu cha là « ba ». Tiếng « ba » ở ngoài Bắc này không phải trực-tiếp phỏng theo tiếng « papa » của Pháp, mà là theo cách gián-tiếp vì đã chịu qua một lần thâu thái của các bạn trong Nam-kỳ.

Nhưng, còn tiếng kêu mẹ? Chị em ngoài Bắc tỏ ra hãy còn dè-dặt trước con đường đổi mới, nên có nhà còn gọi là « me », có nhà vẫn kêu là «mợ». Chắp lại thành những tiếng xưng-hô « bán tân » : « ba, me » hoặc « ba, mợ », chứ chưa thấy mấy nhà dùng cả hai tiếng « ba, mà ».

Xét sơ cách xưng-hô cha mẹ như thế, ta có thể hạ một câu kết luận : phải chăng lịch-sử dân tộc ta đã trải qua nhiều bước biến-thiên vì gặp văn-hóa ngoại lai và, từ sau khi chế-độ phụ hệ đã đứng vững, phái phụ-nữ tỏ đối với việc gì cung vậy, bao giờ cung nhường chức tiên-phong cho đàn ông?

HOA BÀN

1) Đối với : « Mỗ bụng con nhỏ chữ

Chống nạn giấy khan và đắt

CẦN PHẢI CỨU SỐNG NHỮNG NHÀ VĂN NHÀ BÁO

PHẠM-MẠNH-PHAN

TRÊN mặt tờ báo này chúng tôi đã nhiều lần lên tiếng than phiền về nạn giấy in báo khan và đắt gây do bọn đầu cơ giấy.

Chúng tôi rất lấy làm vui sướng được thấy lời kêu của chúng tôi đã thấu tới nhà cầm quyền và một ủy ban về giấy (comité du papier) đã thành lập và đang thi-hành các phương pháp gắt gao để ngăn ngừa các quân đầu cơ giấy.

Vừa rồi, luôn trong hai số Tin-Mới ra ngày 27 và 28 Janvier 1943 bạn đồng nghiệp sốt sắng của chúng tôi là ông Hoa-Nam dưới cái đầu đề mạnh bạo « *Chúng tôi lột mặt nạ bọn đầu cơ giấy* » đã vạch rõ cái thảm trạng của làng văn làng báo hiện thời và những hành vi phi pháp của những quân đầu cơ giấy để trục lợi một cách đê hèn ti-tiện.

Thật hiện giờ, làng văn làng báo đang sống một cơn ác mộng về nạn giấy khan và đắt. Hết thảy đều luôn luôn phải đối phó với những mánh lới sảo quyệt của bọn đầu cơ giấy để tránh cho chúng khỏi hoành hành bạo ngược !

Phác tả cái tình trạng deo neo hiện giờ của những nhà cầm bút bạn Hoa-Nam của chúng tôi đã viết :

« Thần chết với lưỡi liềm ác-nghiệt như đang chờ sẵn trước ngưỡng cửa các nhà báo hàng ngày, hàng tuần và các nhà xuất bản nhà văn để gieo rắc vào đó sự khủng bố và đe dọa cuộc sống còn của họ trong từng giây từng phút » (Tin-Mới số 951).

***

Thật là số phận mong manh của những tờ báo và tạp chí đã đến lúc nguy nan !

Cuộc thử thách của bọn đầu cơ giấy với những người cần đến giấy để theo đuổi công cuộc văn-chương không còn là một sự thử thách lẻn lút nữa.

Mấy tháng trước đây chúng còn ẻ đề nể sợ. Giá giấy tuy có cao nhưng trước sự hy-sinh của các báo sự tăng giá đó mặc dầu đã làm thiệt thòi lớn lao cho các báo nhưng cũng còn thể kham được.

Đến nay, những quân đầu cơ giấy với lòng tham lam vô độ đã ngang nhiên khinh mạn và pháp luật và dư luận mà tuyên chiến một cách đường hoàng với toàn thể làng văn làng báo.

Giá giấy đã tăng lên quá tới 4, 500 phần trăm và còn đe dọa tăng lên nhiều hơn nữa.

Làng văn làng báo, mặc dầu từ trước tới nay vẫn lấy lòng nhân từ kêu gọi thiết tha mong đánh thức những quân đầu cơ giấy để chúng hồi tỉnh mà đừng tối mắt vì tiền làm hại nhiều người khác.

Nhưng đối với chúng lời nói là thừa ! Kêu gọi lương tâm chúng khác nào như kêu gọi nơi sa-mạc.

Không còn thể sao lấy tình đồng chủng mà đối đãi với chúng.

Không còn thể sao lấy lòng nhân đạo mà cư sử với chúng mội cách độ lượng.

Những quân đầu cơ giấy đã vì tiền tài, vì lòng tham không đáy ngang nhiên đứng vào phe địch của toàn thể làng văn làng báo.

Mặc dầu lưỡi gươm pháp luật của nhà cầm quyền vẫn không kiêng nể chúng, nhưng chúng đã bày ra một trận tuyến đầy mưu cơ sảo quyệt với những tay sai đắc lực để che mắt nhà đương đạo mà hòng toàn thắng dun các nhà cầm bút cùng gia-đình họ vào đất chết.

Phiên chợ âm phủ của chúng có tổ chức, có liên lạc và có cả một bộ tham mưu đầy kinh nghiệm về việc làm tiền theo những hành vi phi pháp vô lương tâm và vô nhân đạo.

[illegible] y. Chúng nặn óc nghĩ ra những cách mua chuộc lòng người để dễ hành động trong các phiên « chợ đen » để ủng hộ cho chiến tuyến chúng, hòng-sổ phe địch là những nhà báo vào bước đường cùng để lột khí giới !

***

Thấy bóng một nhà báo những quân đầu cơ giấy bảo nhau đóng chặt cửa kho và khiếp sợ như sợ hung thần !

Một bạn đồng nghiệp của chúng tôi, khổ sở về khan giấy, mang « *lit săng* » của chính phủ cấp cho đến mua tại một vài hiệu giấy.

Họ niềm nở trả lời rằng « hết » ! Nhưng biết đích trong kho của một quân đầu cơ giấy còn nhiều giấy, ông bạn đồng nghiệp kiên tâm của chúng tôi bèn đứng đợi trên vỉa hè trước kho giấy nọ trên 24 tiếng đồng hồ với ít lương thực mang theo trong túi áo ! Ông cố ý xem có ai vào mua giấy thì theo vào nài bán, nếu không, sẽ trình nhà chức trách. Sau ông bạn đồng nghiệp của chúng tôi đã thắng lợi : nhà buôn nọ thấy phiên chợ đen của mình bị cản trở, liền sai người ra điều đình bằng lòng bán cho ông khách hàng « hóc búa ấy » !

Thấy thoáng bóng nhân viên của ủy ban coi về giấy, những quân đầu cơ run sợ mà chạy trốn, Nếu ai chia giấy phép riêng của chính phủ hay bông của ủy ban về giấy, chúng hẹn hết lần ấy sang lần khác, hành hạ đủ thứ rồi mới gạt nước mắt mà phải bán theo như giấy tờ đã định.

Chính phủ đã bắt những ai buôn giấy phải khai số giấy có ở trong kho. Nhưng một phần những người này đã tìm đủ khoé để che mắt pháp luật, không sợ tù tội mà khai man hoặc giấu kín số giấy họ có tản nát đi các nơi.

Vì vậy chiếu theo số giấy đã khai, ủy ban về giấy chỉ có thể cấp các bông mua cho các báo một số giấy ít ỏi đủ in một, hai số !

Rồi hết số giấy đó, các báo hoặc phải khoanh tay chịu chết hoặc phải bất đắc dĩ mua giấy bằng cái giá bóp cổ lè lưỡi.

Chống nạn giấy in báo khan và đắt, bạn Hoa-Nam của chúng tôi đã đề nghị :

1·) Tặng tiền thưởng *(prime)* cho những người nào tố cáo những nơi tích trữ giấy,

2·) Điều đình với các hãng nhập cảng xuất cảng bán thang cho các nhà báo và nhà in theo số giấy cần dùng của họ đã khai.

3·) Nới rộng quyền hạn của ủy ban về giấy.

Chúng tôi rất biểu đồng tình với những điều đề nghị ấy. Hơn nữa chúng tôi mong chính phủ cho các đại biểu của các nhà báo, các nhà in và các nhà xuất bản được có chân trong ủy ban về giấy để họ được rộng quyền bàn bạc và bênh vực một vấn đề có can thiệp đến sự sinh sống của họ.

Ngoài ra chúng tôi còn thấy nhiều người không phải buôn giấy nhưng thấy trong buổi này giá giấy vọt lên cao cũng bỏ tiền vạn ra tích trữ giấy. Rồi không có môn bài họ ẩn nấp sau bóng một số nhà in, đường hoàng buôn giấy mà không phải ở dưới sự kiểm soát của nhà cầm quyền.

***

Những mưu kế xảo quyệt của bọn đầu cơ về giấy thật là thiên hình vạn trạng... Chúng tinh quái làm chệch những phương pháp mầu nhiệm của chính phủ đối với chúng để tránh khỏi phải vào ăn tù tại các đề lao !

Chúng tôi thiết tha mong những phương pháp gắt gao hơn sẽ được đem thi hành một cách triệt để.

Chúng tôi mong có những cuộc điều tra kỹ càng về nạn đầu cơ giấy và có những cuộc chăng lưới pháp luật trên khắp các thị trường giấy để vây bắt những quân đầu cơ mà kìm kẹp lòng tham tai hại của chúng.

Những hung thần ấy của làng văn làng báo chỉ chuyên môn gieo tai rác họa cho những người cần đến giấy mà vơ vét tiền tài phi nghĩa một cách đường hoàng.

Đối với chúng, nay chỉ có một cách duy nhất : một là chúng quy hàng, kiêng nể làng văn làng báo mà mở cửa kho kín của chúng cho số giấy tích trữ được đem bán trên thị trường theo giá của hội đồng. Hai là những người cam bụt, trước thế lực của đồng tiền, đành phải để những cơ quan ngôn luận của mình vắng tiếng trên văn đàn vì nạn giấy khan và đắt.

(Xem tiếp trang 17)

SÁCH MỚI

Tri-Tân đã nhận được :

1·) **Hai vở kịch** *(Kinh-Kha Ông kỳ cóp) của Vi Huyền-Đắc do Hàn-Thuyên xuất bản.*

Sách giấy 166 trang, giá 1 $ 80.

2·) **Nguyễn-Du và truyện Kiều** *(nghiên-cứu và phê-bình về tác-giả truyện Kiều của Nguyễn-bách-Khoa cũng do Hàn-Thuyên xuất bản.*

Sách in đẹp, giấy 340 trang, giá 3 $ 50.

3·) Hai quyển « **Thống chế** *» và «* **Bắc đẩu bội tinh** *» trong bộ* **Bách hoa đại tự điển** *của Lê văn Hòe do Quốc-học Thư-xã xuất bản*

Mỗi quyển khảo một chữ, giá 0 $ 20.

4·) **Lộ mệnh tiêu** *của Giáo sư Hưu cận, in đẹp, 38 trang là sách khuyên các bạn thanh niên trong việc gây dựng gia đình.*

5·) **Truyền kỳ mạn lục** *của Trúc-Khê dịch, Phổ thông bán nguyệt san xuất bản.*

Xin cảm ơn các nhà tặng sách và giới-thiệu cùng bạn đọc.

TRI-TÂN

Y-học thường-thức

NGƯỜI LAO MẠNH

nên làm nghề gì ? nên ở đâu ?

Của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

Dầu là người thấy khỏe đã lâu rồi mà bịnh không trở lại,

Dầu là người chỉ có khạc ra máu rồi thôi chớ không thấy bịnh-hoạn chi khác,

Dầu là người có phổi còn đương bị ép mà hương-y cho phép vận-động như người mạnh,

Dầu là người đã hơn hai năm không thấy ho, không thấy mệt và được liệt vào hạng đã mạnh hẳn,

Các người ấy cũng chỉ là mới kỳ tờ đình-chiến với vi-trùng lao mà thôi. Đình-chiến, nhưng kẻ nghịch là kẻ ham chiến-đấu, không biết ngày nào nó sẽ thừa dịp tốt mà tấn-công trở lại. Ta nên coi sự đình-chiến ấy là một « vũ-trang hoà-bình » (paix armée) mà thôi.

Tục ngữ Âu-châu có câu : « Nếu anh muốn hòa bình, anh nên dự-bị chiến-tranh » (si tu veux la paix, prépare la guerre) Đối với vi-trùng Koch, ta phải có cử-chỉ ấy, phải dè-dặt thế ấy. Ta nên gìn-giữ thế nào cho vi-trùng không làm hại gì nữa được, cho người bịnh mới mạnh không đau lại, cho người mạnh hẳn được mạnh hẳn luôn.

Vậy người nào trong đời mà có bị bịnh lao thì dầu nặng, dầu nhẹ, dầu đã mạnh rồi cũng phải cẩn-thận, cũng phải giữ đúng phép vệ-sanh trong cách an cách ở, cũng phải chọn-lựa nghề-nghiệp đặng cho đời sống của mình khỏi bị những đều bất-tiện, những sự thi-ro.

Nên dè-dặt mà không nên lo sợ lắm vì sự lo sợ có thể đem tới cho cơ-thể những sự suy-nhược trong khi nó cần đủ lực-lượng đặng chiến-thắng vi-trùng.

Trong hồi mới mạnh

Dầu giỏi đến bực nào đi nữa, hương-y cũng không dám nói quả-quyết rằng một người bị lao mới vừa hết là mạnh hẳn, bịnh lao không thể nào trở lại đặng. Ai cũng phải đợi chờ sự trả lời của thời-gian. Đợi ít nữa là hai năm mà thấy bịnh không tái-phát mới có thể nói là bịnh hết thật.

Thời-gian hai năm đây là « *hạn đợi chờ* », là hồi khôi-phục. Người có đủ tiền tài mà sống như ý muốn thì khỏi nói, chỉ lo cho kẻ tay làm hàm nhai, tháng ngày vất-vả. Tôi muốn nói những người phải lăn-lóc trong xưởng máy, đứng miết trong 1 cửa hàng, ngồi mãi sau một bàn giấy, ngày đêm sống trong một căn nhà nhỏ hẹp, ít khí-trời mà khí-trời lại dơ-bẩn. Lắm khi họ phải làm công-việc nặng-nề mệt nhọc. Biết sao ? Công việc làm ấy cần-thiết cho sự sống của họ. Họ phải làm việc mới có mà ăn, mà uống. Nhưng họ cần phải dè dặt. *Phải có một « kỳ-hạn giao-thời »*, kỳ-hạn mà họ nên làm việc lần-lần đặng tập cho cơ-thể thêm cứng-cát, ít sợ mệt nhọc. Họ nên làm việc buổi sáng mà thôi. Còn buổi trưa thì dùng mà nghỉ ngơi và đi dạo ngoài đồng trống. Như vậy vài ba năm, nếu bịnh không trở lại thì họ mới nên mừng là đã mạnh hẳn.

Nếu mỗi năm họ nghỉ làm việc được hai tháng thì quí lắm. Lúc nghỉ, họ nên ở trên núi hay ngoài đồng, xa thành-thị, nhứt là xa nhà-máy ít nữa cũng mười cây số, đặng có khí-trời trong sạch. Trong « hạn đợi-chờ », họ không nên đi ngoài trời lúc nắng gắt và lúc có mù-sương nhiều.

Nên chọn nghề-nghiệp nào ?

Dầu người lao mới mạnh hay thiệt mạnh cũng vậy, sự chọn nghề lựa nghiệp rất có quan-hệ tới sự khỏe-mạnh về sau.

Cố-nhiên, làm một nghề dầu nặng-nề đi nữa mà ở chỗ phong-thổ tốt (nhà ở ngoài đồng, trên núi) còn hơn là ngày tối cặm-cụi trong một phòng giấy, đã không vận-động được nhiều mà lại phải thở khí-trời bế-hãm (air confiné). Bởi vậy cho nên có nghề họ nên tránh, có nghề họ làm được.

Họ nên tránh :

1·) nghề không được sạch sẽ như là điều-dưỡng ;

2·) nghề có bụi-bặm nhiều như đốt than, làm trong nhà máy (nhứt là nhà máy xay), trong trại mộc, nhà dệt, xưởng ciment ; nghề có mùi dơ-bẩn, hôi-hám như đồ rác, nấu bếp, nấu cao-su ;

3·) nghề phải dùng đồ có hơi độc như họa-sĩ, thợ nhà in, thợ mạ thiếc (étameur), thợ bạc, hoặc làm diêm quẹt, làm trong xưởng thuốc lá ;

4·) nghề phải bị nóng quá rồi lạnh quá như làm ve chai, chụm máy (chauffeur de machine) ; nghề ướt át như giặt-ủi ;

5·) nghề phải sống trong chỗ tối tăm như thợ-mỏ ;

6·) nghề phải làm ban đêm như

làm bánh mì, ca vũ (acteur de théâtre — danseur).

***

Có biết bao nghề khác mà họ có thể làm đặng như hớt tóc, buôn bán chẳng hạn, miễn đừng sống trong chỗ khí-trời không được tinh-khiết. Nên lựa trước nhất những nghề bắt họ phải ở giữa bầu không-khí trong sạch như làm ruộng, làm vườn.

Một điều cần-kíp ta nên nhớ hoài rằng sự lo-lắng, buồn rầu có thể làm cho cơ-thể suy-đốn. Vậy về nghề-nghiệp, *việc làm bằng tay chơn mà ở trong chỗ không-khí không đặng tinh-khiết đi nữa cũng ít có hại hơn là công-việc đem tới một trách-nhậm nặng-nề*, khiến mãi-mãi luống lo phiền, luôn-luôn phải tính-toán, dầu với người đã lành bịnh, giữ kỹ được phép vệ-sanh, ăn được chất bổ, thở được khí-trời tốt.

Phải lựa chỗ ở

Tự-nhiên, đồng-bái và núi-non là chỗ mà người bị lao nên ở. Hẳn bạn đọc cũng như tôi là ta ước ao cho tất cả người bị lao đều có thể sống trong một bầu không-khí tốt lành như thế.

Nhưng, nói thì dễ mà làm thì khó, vì trong đồng-bái có đâu đủ công ăn việc làm cho tất cả người bị lao. Vả lại, có phải bất cứ người lao đã mạnh nào hễ làm-lụng trong thành-thị là phải bị nguy đâu?

Ta chỉ cần nhắc họ phải dè-dặt luôn-luôn, họ không nên làm việc quá sức. Nếu mỗi năm họ có thể ra đồng hay lên núi mà ở một vài tháng thì đã tốt lắm rồi.

Viết đến đây, tôi sực nhớ tới loài cây an-thịt (plantes carnivores) mà bông nó thì màu sắc tốt đẹp, mật nhụy ngọt thơm, làm cho phải một lúc say-sưa ong đoàn bướm lũ.

Thống chế Pétain đã nói :

« Nhờ có bại trận mà mối đồng-tâm của quốc-gia được thắt chặt : chúng ta sở dĩ quây quần để tìm sự bảo-vệ chung. Sự gần gụi đó, âu chỉ là tự-nhiên, là hy-vong nâng đỡ nhau trong cuộc phục-hưng. Nhưng Quốc-gia Cách-mệnh còn phải cần sự thống-nhất của nước Pháp ».

Nhưng ong bướm đương mê say hương sắc thì các cánh-hoa bỗng chuyển mình co lại nhốt chúng vào trong để đợi lúc thịt tan cánh rã.

Bạn đọc ơi, cây kia là thành-thị mà ong bướm nọ là dân thôn-quê. Vì nghe lời rủ quến, dân-quê ham tiền, ham vui-sướng, đua nhau tách lìa đồng-bái mà đến chốn phồn-hoa. Đến đó, tiền bạc, sung-sướng, vui-vẻ đâu chưa thấy, họ chỉ thấy phải sống vùi-dập trong những xưởng máy, trong những căn nhà nhỏ hẹp, tối tam, ướt-át và hợ phải ăn thiếu, mặc thốn. Thành thị là chỗ đem lại những điều tàn-khốc cho cả khu-xác lẫn tinh-thần của họ!

Bác-sĩ Dumarest có thuật câu chuyện lý-thú sau đây :

Một người dân-quê ở trong một làng nhỏ miền núi. Hồi còn trẻ, anh đến thành Lyon mà tìm kế sanh-nhai, nhưng bị khạc ra máu và bị lao khá nặng. Anh lật-đật trở về làng cũ, sống vất-vả như xưa. Anh chuyên nghề san-bần, cực-nhọc nhiều bề, nhưng hưởng được cái thú non xanh rừng rậm.

Bịnh tình anh lần lần thuyên giảm và khi anh mất thì tuổi đã quá lục-tuần.

Cũng lý-thú thật câu-chuyện sau này :

Một bạn tôi—người Huê-kiều — có người bà con ở gần Hong-kong. Người nầy tới làm công ở Hong-kong với người Hồng-mao. Một hôm anh ta khạc ra máu. Người chủ đưa lại lương-y Hồng-mao coi mạch. Anh ta bị lao nặng, rọi kính thấy nhiều vet ở phổi. Bị đuổi về đồng, anh ta sống lây lất, trồng cai xa-lách-xon (cresson) và thường đem cộng non lá tốt ra chợ mà bán, còn khúc già thì luộc mà ăn. Hai năm sau, một hôm anh ta bỗng gặp người chủ cũ. Chủ thấy anh ta vẫn kỉ ốe-mạnh, lại coi mập-mạp hơn trước, mừng rỡ hỏi han thì mới biết rằng chỉ nhờ ăn gốc xà lách xon mà mạnh. Chủ không tin, dắt anh ta đến cho lương y da coi cho anh ta coi lại. Vị lương y nầy lấy làm ngạc-nhiên mà thấy các vết ở phổi đều đã lành cả. Anh ta mừng quá, về truyền lại với anh em bà con rằng : « Có bị lao, cứ ăn cộng xà lách xon già ».

Nhưng đó hẳn là một trường-hợp với anh thợ san của bác-sĩ Dumarest.

Rốt cuộc, ta nên kết luật bài nầy bằng hai câu đầy ý-nghĩa của ông Taine : « *Người là một con thú bởi bổn-tánh và cơ-thể* » (L'homme est un animal par nature et par structure). « *Sự vận-động thân-thể, sự chuyên-luyện bắp thịt, không-khí và mặt trời là những điều kiện cần thiết và thích hợp cho sức khỏe của nó* » (Dumarest).

Bác-sĩ LÊ VĂN-NGÔN

(Rút trong quyen BỊNH HO LAO mới xuất bản).

CÁCH ỨNG DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP KIA

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

I. Phương pháp chung cho cả các khoa.

Tôi không đi tìm cách dịch Hóa học, Hình học, Vật lý học, Y học, Thiên-văn hay Địa-lý gì cả, vì dịch Khoa-học hay là dịch những chữ chuyên-môn như người ta vẫn làm xưa nay là thất sách.

Tôi đã đi khảo cứu tiếng việt để tìm cách đặt tiếng việt mới, tìm cách cấu tạo ra những tiếng việt mới tinh để làm giầu cho tiếng mẹ đẻ, chữ mới tinh cần để diễn những tư-tưởng mới, cần để nói và viết khoa-học bằng tiếng ta. Dịch thì vẫn dùng những chữ đã sẵn có, xếp đặt lại mà thành ra, tiếng mẹ đẻ khi đó không giầu thêm lên một đồng một chữ nào cả. Dịch khoa học là lầm, dịch cho đúng nghĩa từng chữ một lại càng lầm. Những người làm như vậy là những người không nghĩ đến rằng khoa học còn biến cải tiến đạt nhiều, những điều hiểu biết của các nhà khoa học hiện thời chưa chắc đã đúng xát sự thật.

Cái phương-pháp của tôi cốt ý làm cho tiếng việt có thể sanh nở mãi mãi, không có giới hạn nào ghìm nó lại được.

Tôi tưởng cái đầu đề « Adaptation de la langue annamite à la langue scientifique » đang trên báo Annam-Nouveau nó rõ ràng lắm thì phải, thế mà còn có người lầm, tưởng chỉ dùng nó trong một phạm-vi chật hẹp được thôi, tỷ dụ như Hóa-học. Cái đầu đề ấy có thể dịch sang tiếng ta như thế này : « Uốn nắn tiếng việt làm sao để dùng nó trong văn khoa-học được ?»

Vậy cái phương pháp kia dùng được trong Hóa-học là món khó nói bằng tiếng ta nhứt, thì cũng dùng nó trong các khoa khác được, bất cứ khoa nào.

Vì bất cứ khoa nào, những chữ chuyên môn cũng phải tạo ra mà dùng chứ không dịch được, dầu rằng khi đứng một mình (isolés) những chữ ấy có thể dịch cho thiệt xát nghĩa. Bởi vậy cho nên mới cần đến một hạng chữ gọi là chữ chuyên-môn. Nếu dùng những chữ thường ngữ, nghĩa là những chữ sẵn có rồi, chắp nối lại mà viết khoa học cho rõ ràng được thì đã không cần phải có một thứ chữ gọi là chữ chuyên-môn. Tiếng nước nào cũng vậy, cái số chữ chuyên môn cần phải có, là còn tùy ở cách đặt câu riêng của từng thứ tiếng.

Có ông nào trong một tuần san kia đã nói rằng : « Chữ chuyên-môn đã thiếu là thiếu tất cả ». Ý ông muốn nói chữ chuyên-môn nào mà mình đã không có thì dịch cũng không được. Nhưng ông chỉ biết thế thôi. Ông không biết làm cách nào mà viết khoa-học toàn bằng tiếng ta cho được.

Không dịch được thì chỉ còn có một cách là đặt ra những tiếng mới, tạo ra những chữ mới dùng làm chữ chuyên-môn.

Muốn tạo ra những tiếng mới để dùng làm chữ chuyên-môn, thì tùy theo từng trường hợp, người an-nam mình chỉ còn có ba cách này là dùng được thôi :

1·) Việt-hóa các chữ vạn-quốc khoa-học ngữ. (Annamitiser les mots techniques adoptés par les congrès sciensifiques).

2·) Lấy những chữ thường ngữ (tiếng ta hay chữ nho) diễn những ý chuyên-môn, rồi mười chữ rút lại còn bốn, bốn chữ rút lại còn hai, hai chữ rút lại thành một bằng cách nói ríu (contraction).

3·) Khi nào không nói ríu lại được thì dùng lối nói lái (métathèse) rồi hai tiếng chọn một, bỏ một.

Ngoài ba cách ấy không còn phương pháp nào nữa.

II. Tiểu tiết riêng cho từng khoa

Đấy là phương pháp chung cho cả các khoa ; khi ứng dụng còn phải tùy theo từng trường hợp mà dùng cách này hay cách kia trong ba cách chỉ trên. Mỗi khoa, tùy theo cái tính cách riêng của nó, sẽ có những tiểu tiết riêng.

A) Tỷ dụ về Hóa học.

Hóa học là môn có nhiều những tiểu tiết hơn cả. Cách kêu các hợp-tố cùng cách viết tắt các hóa vật (nguyên tố và hợp tố) đã được các hội nghị vạn quốc khoa-học định lệ rồi thì ta nên dựa vào tiếng vạn quốc hay là tiếng pháp cũng vậy mà đặt tên việt cho chúng để cho ngôn ngữ được thông đồng.

Còn những chữ chuyên-môn khác của Hóa học, không cần mà cũng không nên dựa vào tiếng âu-châu. Phải dùng tiếng ta làm cán tự rồi biến hóa nó đi bằng lối nói ríu (contraction) hay lối nói lái (métathèse) để cho những

người học sau này dễ suy nguyên mà dễ nhớ.

A) Hóa-học đẳng cấp danh từ hay là tên của các nguyên-tố và các hợp tố đặt cho có manh-mối, liên can thúc bá để khi kêu lên thấy ngay từng hạng từng thứ, ngành trên, ngành dưới, đời trước, đời sau, mà lại dựa vào tiếng pháp hay tiếng vạn quốc thì chúng sẽ như thế này.

Nguyên-tố (corps simples) có Kim (métaux) và Thổ (métalloïdes).

1·) Danh từ các Nguyên-tố.

Tên các Nguyên-tố sẽ là những chữ lưỡng vận (mots simples dissyllabiques) vì phần nhiều khi viết tắt phải dùng đến hai chữ cái (lettres de l'alphabet). Hai vần rất tiện. Vần thứ hai mình sẽ ghép bằng một âm (un son) riêng để phân biệt tên các Kim cùng tên các Thổ. Vần thứ hai của tên các Kim sẽ ghép bằng một vần trác (vần ngược), thường là vần *om* vì phần nhiều tên các Kim của vạn quốc đàng sau có âm *ium*. Tên các Kim người ta mới tìm thấy đều đặt như thế cả, tỷ dụ Polonium, Philippium, Nipponium, Celtium, vân vân.

Vần thứ hai trong tên các Thổ sẽ là một vần bằng (vần xuôi) thường ghép bằng âm *o* (le son o) vì phần nhiều tên các Thổ của vạn quốc có phảng phất cái âm *ore*, *one*, *on*, phần nhiều chớ không phải khắp loạt, vì vậy nên cách xưng hô các Nguyên-tố của vạn quốc mới lộn-xộn, không phân biệt Kim, Thổ. Nhưng người Pháp hay người Âu cứ để lộn-xộn như vậy mà vẫn có lý là vì trong 90 Nguyên-tố hiện giờ người ta biết, thì có đến 7, 8 mươi thứ đã có tên sẵn trong thường ngữ, tự bao giờ rồi, tự khi chưa có khoa Hóa học kia. Nếu đặt lại cho chúng mỗi thứ một cái tên mới cho có thứ tự rành mạch theo ốc khoa học, mà cái tên mới hay cái tên khoa học ấy (nom scientifique) không phảng phất được cái tên thường của chúng thì chỉ thêm rắc-rối khó nhớ thôi.

Còn mình, trong ngót một trăm thứ mình mới có tên cho mươi thứ thôi, thì mình nên đặt tên cho chúng một cách phân minh, khoa học, để phân biệt tên Kim, tên Thổ, nhất là những tên khoa học ấy lại phảng phất được cái tên thường của chúng trong tiếng ta. Đặt một cách rất công phu, rất khoa-học là theo được lối viết tắt của vạn quốc, lại phân biệt Kim Thổ và phảng-phất tiếng thường ngữ không hại về một phương diện nào. Như vậy mà còn có người ngần ngại không ưa thì thiệt là câu-nệ, ít óc khoa học, ít sáng kiến bao dạn.

Mỗi tên hai vần mà lại thêm huyền, sắc, hỏi, nặng, ngã vào nữa thì sẽ an-nam 100%, không khác gì những tên cần-câu, dao-phay, thìa-là, tía-tô, kinh-giới, bồ-hòn, bồ-kết, đu-đủ. Không để dấu giọng trong các tên mới đặt ra là vì cái đó chỉ phiền phức chớ không lợi gì về phương diện khoa học cả.

Lúc đầu, mới học, phải đọc cả hai vần cho quen miệng; sau thuộc rồi, nghe thấy vần trên nhớ đến vần dưới rồi thì không cần nữa, chỉ đọc vần đầu thôi nếu khi viết tắt chỉ cần có một chữ cái thôi.

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

Cùng các bạn hội-viên Hội « Cựu sinh-viên các Trường Thày Dòng tại Bắc kỳ ».

Hội ta đã họp đại hội-đồng thường niên tại khách-sạn ORIENTAL, ngày chủ-nhật 24 janvier lúc 10 giờ sáng.

Danh-sách các bạn trong ban Trị-sự khoa 1942 bầu hôm 24 janvier 1942 đã thành lập :

Ch. hội-trưởng : NG. ĐA PHÚC
Phó hội-trưởng : LÊ VĂN BÌNH
Tổng Thư-ký : ĐỖ HUY NHIỆM
Phó Thư-ký : LÊ QUANG LUẬT
Thủ-quỹ : MAI VĂN HÀM
Phó Thủ-quỹ : NG. ĐỨC PHAN.
Cố-vấn MM. NG. HUY LAI
VŨ HỮU HIỆU
NG. VĂN TỐNG
RIGAULT GABRIEL
Kiểm-soát : LẠI VĂN HUÂN
NG. VĂN PHÁN.

Từ nay ở các tỉnh Nam định, Phát điệm và Hải phòng các bạn ở đây hay vùng lân cận xin giao thiệp thẳng về tiền nong hay thư từ với các bạn.

Namdinh : *ĐÀO VĂN HUÂN, Distillerie Indochine*
Phatdiem : *TRẦN XUÂN NGUYÊN rue Thương Kiệm.*
Haiphong : *VŨ VĂN QUANG, Cie franco asiatique des Pétroles, hay NGUYỄN MẠNH HÀ, contrôleur du Travaux*

Các tỉnh khác và ngay Hanoi xin viết cho bạn ĐỖ HUY NHIỆM, conservation des Hypothèques, Hanoi.

Ban trị sự lai cảo

ĐÃ CÓ BÁN :

LUẬN TÙNG
trong « Tủ sách Tân Việt »
Một tập hồ sơ dâng lên tòa phủ án của học giới để yêu cầu xét lại sự đã vùi lấp tức tủi trong cõi quên lãng lùng
Dày 160 trang — Giá 1$0

TRIẾT HỌC EINSTEIN
trong « tủ sách triết học »
Dày 250 trang — giá 2$30

SẮP CÓ BÁN :

THI HÀO TAGORE
Một công trình khảo cứu rất công phu của ông Nguyễn văn Hai dày ngót 400 trang
Nhà xuất bản TÂN VIỆT
49 — TaKou — Hanoi

Phê bình

HAI VỞ KỊCH

của VI HUYỀN ĐẮC

TỐ-PHANG viết

NHÀ xuất bản Hàn Thuyên vừa cho ra *Hai Vở Kịch (Kinh-Kha — Ông ký Cóp)* của ông Vi Huyền Đắc. Tựa của hai vở kịch chỉ rõ đó là hai vở kịch thuộc về loại kịch tánh-cách. Nhứt là vở *Ông ký Cóp* khiến người ta tưởng là một vở kịch tánh-cách rõ-rệt hơn.

Thật vậy, khi nghe cậu thơ-ký, con ông phán Đạt, cháu ông ký Cóp, nói: « Người ta đi làm nàng dâu có một mẹ chồng, chứ cái đời đi làm thông ngôn thật là đủ ba mươi sáu mẹ chồng » (trang 83), người ta ngỡ tác-giả khởi sự tả cái tánh-cách riêng biệt của một ông ký. Song thật ra thì khác hẳn. Chuyện chánh trong vở kịch là chuyện dựng vợ gả chồng diễn trong gia-đình ông phán Đạt những chuyện ấy nhờ ông ký Cóp bày mưu lập kế được thành. Ông Ký Cóp « là một người hậu ư « thiên-hạ » mà bạc ư gia », « là một ông trạng-sư của các gia-đình » mà là « một tên tội nhân » đối với gia đình của mình, để thì giờ giản xếp công-việc nhà cho ông Nguyễn trọng Ích rồi đến công-việc nhà ông Nguyễn-viết-Đạt, mà vợ con ở nhà còn mất chẳng hề hay biết lo âu, « hồi nam kia có thằng bé con nhà hai bị mẹ mìn nó cỗ sang Tàu, cũng chẳng có mẹ nó đã tìm thấy chua ». Một bản ngã như cái bản ngã ông ký Cóp âu cũng đáng làm một vấn đề lý-thú trong vở kịch, đáng cho nghiên-cứu tinh-tường hơn, song đó không phải mục đích của tác-giả.

Tác giả đã chẳng muốn nghiên cứu tánh cách của một ông ký ở công đường làm dâu « đủ ba mươi sáu mẹ chồng », tác-giả cũng chẳng muốn trình bày cái bản ngã tương phản của một kẻ « ăn cơm nhà lo việc thiên hạ ». Tác giả muốn vả đã chỉ rõ ngón tinh xảo của một đầu óc đầy mưu kế, ngón tinh xảo đem thi hành với một bà phán giàu lòng tín nhiệm, ngón tinh xảo chuyên lo thu xếp những bụng chửa hoang. Kể ra, ông ký Cóp cũng khéo bày mưu lập kế đặng đánh lừa bà phán, thu xếp một lần xong cả việc hôn nhơn của cô Lan, cậu Cả và việc mang đứa con riêng của ông Đạt về nhà; thật là « *nhất cử tam, tứ tiện* »; song ông đã làm cho cả cha con ông phán Đạt mang phải tội loạn luân, bắt con riêng của ông Đạt phải nhận làm cháu ngoại, cháu nội ông, nghĩa là làm con của con ông để gạt gẫm bà phán cho yên việc.

Ngoài cái tội về mặt luân lý, ông ký Cóp còn làm một lỗi khác, trong bài toán thời-giờ: gần cuối hồi thứ nhứt (tác giả gọi là đoạn thay vì hồi) « nhà hai » của ông phán Đạt « ở cữ một tháng cháu giai », đến hồi thứ ba, « cách đấy năm sáu tháng sau », thằng bé tự nhiên đã lớn hơn một đứa bé vừa mới sanh, lớn hơn một cách rõ-rệt, không người đàn bà nào không nhận được chỗ khác nhau ấy; một đằng khác ở hồi thứ hai, cô Lan dối mẹ « đã có mang được năm tháng rồi », từ đó kể đến hồi thứ ba, được thêm năm tháng, nghĩa là từ ngày cô Lan có mang đến hồi thứ ba, ít ra, tính cũng được mười tháng. Nói cách khác, đến hồi thứ ba, cô Lan (nếu thật) vừa mới ở cữ, con của Lan không quá một tháng được, con của Lan nhỏ hơn đứa bé ở hồi thứ ba rất nhiều và rất rõ rệt; có thế nào bà phán Đạt đã nuôi đứa bé ấy « vài tháng giời » (tr. 162) được, ở vào hồi thứ ba, trừ phi cô Lan sanh non tháng? Và có thế nào bà phán không nhận ra chỗ lớn nhỏ khác nhau giữa một đứa trẻ mới vừa sanh (nếu là con của Lan) với một đứa nhỏ đã sanh được năm sáu tháng (con của Đạt, em của Lan)? Rõ thật ông ký Cóp ta mưu cao mà trí thấp, kế diệu mà tính lầm!

Về phương-diện sân khấu, đáng lẽ phải xem diễn mới nhận thấy được giá trị của vở kịch và phê phán mới khỏi lầm. Song cứ theo ngu ý và theo chút kinh-nghiệm về kịch trường, tôi nhận thấy vở kịch *ông ký Cóp* rất « nguội », nghĩa là không hoạt-động, không « cụp lạc », về mặt luân lý thì không có kết quả giáo dục, về phương diện tình cảm thì không

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

chuyển động được lòng người, còn về phương diện nghệ thuật thì không say mê được khán-giả và độc-giả.

Cả một hồi thứ nhứt là cả một bữa ăn vô vị; mà không biết bữa ăn ấy người ta ăn làm thế nào được, bởi người ta mảng lo kể chuyện nầy rồi kể sang chuyện khác, từ chuyện cha truyền sang chuyện con? Trong hồi ấy, người ta giới-thiệu ông ký Cóp thích rượu Văn-điển, bà phán Đạt dán cá khéo thơm, ông phán Đạt « ngày đi suốt ngay, đêm đi suốt đêm » và vừa có một đứa con riêng, cậu Cả đã lên « secrétaire quatre » đòi cưới một cô giáo ở Phú-thọ và cô Lan đã kết tình với một nhà văn ở Hà-thành trong khi cô còn đi học. Vai hệ trọng giữa những nhơn vật ấy là ông ký Cóp, đởm đương thu xếp sao cho con riêng được về ở với ông Đạt, cho cậu Cả, cô Lan được kết-hôn tự-do. Trong hồi thứ hai, một bức thư cô Lan gởi về báo cho cha mẹ hay cô đã có mang năm tháng. Ấy, cô Lan đã khởi sự thi hành diệu-kế của ông ký Cóp. Ông ký lấy cơ hội nhận lãnh thu xếp mọi việc, vừa lo cho cậu Cả cưới cô giáo ở Phú-thọ, vừa lo cho cô Lan được gả cho nhà văn-sĩ ở Hà-thành. Sang hồi thứ ba, mưu kế bại lộ, bà phán mới hay biết con bà đã giả cớ mang và đứa trẻ bà nuôi vốn là con của ông phán chớ nào phải là con của Lan, cũng chẳng phải là con của cậu Cả. Trong chớp mắt bà phát giận, cũng trong chớp mắt bà nguôi và chịu thúc thủ trước những công việc đã lỡ.

Suốt ba hồi, toàn là lời nói, không có một cử-chỉ hoạt-động, không xảy ra một việc bất ngờ, không có một cơ-hội náo-nhiệt, sân khấu lúc hào ắt cũng buồn-bã lạnh-lùng.

***

Kinh Kha cũng dài được ba hồi, song rất ngắn, ngắn không làm sao diễn đủ một buổi hát.

Kể về hình-thức, vở kịch này khác hơn vở trước ở chỗ có phân môi hồi (đoạn) ra từng lớp (sen); nhưng cách phân lớp không được thuần nhứt. Cách phân lớp I đến lớp III không có chỗ chỉ trích được; cuối lớp I, có thêm vào sân khấu hai võ tướng và một lũ sĩ-tốt, tất nhiên đã sang lớp II; kế đó, một ca-nhi bước vào, thì sang lớp III. Theo lẽ, khi võ tướng cùng nội bọn kéo ra, bỏ lại sân khấu những vai cũ ở lớp I, phải sang lớp IV mới hợp pháp. Nhưng tác giả, không biết vì lẽ gì, không đổi lớp ở đây, cho lớp III kéo dài mãi đến một vai khác vào. Một đàng khác, ở lớp I hồi I và lớp IV hồi II, tác-giả có kể tên các vai ở ngay đầu lớp, rất hợp cách trình diện nhơn-vật; nhưng ở các lớp kia, sao tác-giả không trình diện nhơn-vật theo một thể ấy?

Đó là những chi-tiết nhỏ-mọn, nếu tác giả không sơ thất, giá-trị vở kịch cũng không được gia-tăng. Phần quan-hệ và lý thú là chánh vở kịch.

Kinh-Kha, một dõng-sĩ châu du khắp thiên-hạ đi tìm người dùng mình, vào uống rượu và ăn thịt chó trong một quán ở chợ nước Yên cùng với một người bạn là Cao Tiệm-Ly sành nghề « đánh trúc ». Giữa bữa, hai võ tướng và một lũ sĩ-tốt nước Tần xông vào quán hoành-hành hiếp đáp người trong quán và buông lời khinh-khi người nước Yên. Trước cử-chỉ tàn bạo ấy, Kinh-Kha rất bất-bình, ba lần toan rút gươm ra trị bọn võ-tướng Tần, song không ra tay anh-hùng được bởi Cao Tiệm-Ly cản trở. Khi bọn võ-tướng Tần kéo ra đi, Điền-Quang vào quán tìm Kinh-Kha và ở giữa quán đem việc Thái-tử Đan cầu Kinh-Kha về giúp nước Yên để sẽ trả thù nước Tần. Kinh-Kha nhận lời. Điền-Quang ra về. Ngay phút sau đó, có thằng nhỏ chạy vào báo có người chết ở ngoài cửa, khi hai dõng-sĩ còn đánh chén và đánh trúc. Hai dõng-sĩ ra xem và khiêng vào cái thây Điền-Quang: Kinh-Kha bấy giờ ngụ-ý hiểu Điền-Quang tự-sát để cho Thái-tử Đan không nghi ngờ mình để tiết-lộ cơ mưu phục-thù.

Sang hồi thứ hai, Thái-tử Đan tiếp Phàn Ư-Kỳ (Ô-Kỳ?) đến chờ tin Kinh-Kha, sau khi Thái-tử Đan cùng Cúc-Vũ bàn-bạc về sự dung túng Phàn Ư-Kỳ là một cừu địch của vua Tần. Ngay lúc ấy Kinh-Kha vào nhận lãnh sứ mạng sang Tần đặng lo để phòng việc Tần sẽ đánh lấy Yên. Phàn Ư-Kỳ cũng lạm bàn-bạc về việc đi sứ, nhưng rồi xin lui về nhà để tìm mưu kế. Khi Phàn Ư-Kỳ đi, Thái-tử Đan cho đòi Tần Vũ-Dương để làm phó sứ cho Kinh-Kha. Liền khi ấy, gia-tướng của Phàn Ư-Kỳ vào dâng lên Thái-tử Đan một bức thư và cái thủ cấp của Phàn.

Trong hồi thứ ba, Kinh-Kha cùng Tần Vũ-Dương ra mắt vua Tần nơi cung Hàm-dương. Bản

(Xem tiếp trang 16)

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

hai xuân oanh-liệt của Dân-Tộc VIỆT-NAM

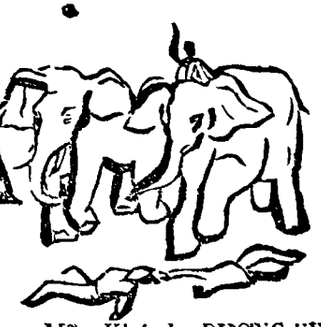

Mãn-Khánh DƯƠNG-KỲ

(Bài nối)

HƯNG vua Lê-Thánh-Tôn đã sắp đặt sẵn một trận-đồ vô-cùng lợi-hại. Vua sai Tả-du-kích Lê-hy Cát, Huỳnh-nhơn-Thiêm, Tiên-phong Lê-Thế, Trịnh-lục-Sái đem hơn 500 chiến-thuyền ra khỏi 2 cửa Tân-yểm, Cựu-tọa (ở Quảng-Nam bây giờ) đi vào Sa-kỳ Hải-môn (Bình-sơn, Quảng-ngãi bây-giờ) đồ-bộ ở đó, rồi xây lũy đắp thành, đón đường về của quân giặc. Nguyễn-đức-Trung đem bộ-binh đi len vào miền núi. Vua thân-suất bảy vạn tinh-binh cùng 1000 chiến-thuyền, ra khỏi Tân-yểm Cựu tọa, tiến đánh quân địch.

« Ngon sinh-kỳ mây cuốn gió bay, hãm trận dường xô củi mục : lửa phủ-việt sao ngời nhật rạng, phá thành như lột mo-nang...»

Bị vua cùng Nguyễn-đức-Trung hai bên giáp công, quân Chiêm đại bại, tìm đường chạy về Chà bàn, Nhưng vừa về thâu Mộ-nô sơn (phía tây Sa-kỳ Hải-môn) thì gặp quân của Lê-Hy-Cát đánh cho một trận liểng-xiểng đến nỗi quân-nhu và tử-thi đầy đồng. Tàn quân Chiêm nhằm núi chạy lên vừa gặp bộ-binh đến kịp, Lê-Niệm, Ngô-Hồng đánh cho một trận « thất điên bát đảo » nữa, phải hấp-tấp kéo về đồng-bằng, đến Thề-cần (ở Bình-sơn Quảng-ngãi) thì lại gặp chính đại-binh của vua Lê-Thánh-Tôn. Vua lùa binh chém giết, thế là đạo-binh « thiết-giáp » của Chiêm-thành bị tan-vỡ, sức kháng-chiến của Trà-toàn chẳng còn bao-lăm. Đến đến ngày 27 tháng 2 thì thành Çrivim (Thi nại) mất, rồi đến ngày mồng một tháng 3, thủ-đô Vijaya (Chà bàn) thất-thủ. Trà-toàn cùng 30.000 người Chiêm bị bắt sống, 40.000 người Chiêm khác bị giết. Thế là nước Chiêm-thành kiệt-hiệt bị diệt-vong từ đó. Vua Lê-Thánh-Tôn sáp-nhập vào nước Đại-việt hai châu Amaravati và Vijaya (từ Hải-vân quan cho đến gioc Varella). Chỉ còn lại một phần năm đất là hai châu Kanthàra và Pandurangar (miền cực-nam xứ Trung-kỳ bây giờ), thì lại bị vua chia làm ba nước nhỏ là Chiêm-thành, Hoa-anh và Nam-phan. Thực là :

« Ta rõ địch-tình như thấy, tiếng sấm vang tai nỏ kịp che ; quân vào nơi hiểm-địa mà yên, ngọn lửa bốc lòng thì phải chạy. Chỉ thâu công trong một buổi, mà rửa thẹn cho trăm vua. Đã vì dân trừ tuyệt giống sâu keo, không nuôi giặc để lại cho con cháu...»

***

Xuân năm kỷ-dậu (1789)...!

Nước ta hồi bấy giờ thực là bối-rối. Chúa Nguyễn-Ánh đã lấy và tổ-chức lại đất Gia-định. Chúa lại được ít người Pháp giúp sức, nên vua quan Tây-sơn phải truyền hịch để an lòng quân-lính, Ở Bình-định, vua Thái-đức Nguyễn-Nhạc, sau khi bị em là Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ đánh thua, liền khư-khư ôm vàng bạc châu báu đã gom-góp được mà hùng-cứ một nơi. Ngoài bắc, tuy Nguyễn-Huệ đã lấy lại được Bắc-hà, nhưng các đảng cựu-thần nhà Lê vẫn còn âm-mưu hoạt-động.

Vừa khi ấy thì được tin vua Lê Chiêu Thống đã rước quân nhà Thanh (họn Tôn-Sĩ-Nghị, Sầm Nghi-Đống, Hứa-Thế-Thanh, v. v...) về lấy Bắc-hà. Tướng Tây-sơn Ngô-Văn-Sở đánh không nổi, lui về giữ núi Tam-điệp (đèo Ba-dội). Người ta thường bảo thời-thế tạo anh-hùng, nhưng vua Quang-trung Nguyễn-Huệ lại không thế : như đã thấy trên, cơ-hội bấy giờ có phải là thuận-tiện cho vua Quang-Trung phá quân nhà Thanh đâu? Thế mà chúng đã bị đánh tan-tành mà về nước đó.

Được tin quân Tàu sang, Nguyễn-Huệ hiền lên ngôi Hoàng-đế, kéo quân ra Nghệ-an, ở lại do 10 ngày để tuyển thêm binh-lính. Đến ngày mồng một, vua truyền lệnh cho quân-lính ăn Tết, rồi bảo chúng rằng : « Bây giờ chúng ta hãy ăn cho tiêm-tất tiệc nay, rồi kéo ra Thang-long. Chúng ta sẽ vào đó nhằm ngày mồng bảy, thì cũng vẫn còn là ngày Tết, các ngươi nhớ đây ».

Rồi vua bố một trận cũng vĩ-đại, cũng thần tình khổng kém gì trận đánh Chiêm-thành của vua Lê-Thánh-Tôn. Quân lính ta ước-chừng 100.000 người, có thêm 400 voi, chia thành năm quân. Tiền-quân do Đại-tu-mã Sở, Nội-hầu Lân chỉ-huy. Hậu-quân do Hám-hồ-hầu đốc-suất ». Đại-đô-đốc Lộc đem Hữu-quân ra vùng Lạng-giang, Phượng-nhãn, Yên-thế, để chặn đường về của quân Thanh. Đô-đốc Tuyết đem thủy-quân ra miền Hải-dương tiếp ứng về mặt đông. Đánh mặt đông thì có Đại đô-đốc-Bảo và Đô-đốc-Mưu huy-động Tả-quân.

Đạo nghĩa-binh của nhà Lê bị đánh tan-tành. Nhưng quân nhà Thanh đã lập nhiều phào-đài chung-quanh thành Thang-long. Nấp trong thành, chúng bắn đạn ra rào-rào. Vua Quang Trung thân-hành đốc chiến, sai lính lực lưỡng mang những mảnh ván ghép lại, ở ngoài có quấn rơm tẩm nước, cho cho quân cảm tử tiến đến hãm các đồn. Lại nhờ bầy voi trận của ta lùa ra vừa gặp lúc, vỗ vào hậu-quân nhà Thanh, quân-lính ta lại nô-nức xông tới, nên quân Tàu đại loạn. Các hầm địa-lôi chúng đặt sẵn để phòng quân ta, lại nổ ngay dưới chân chúng. Những đồn quân Thanh chẳng bao lâu vào tay quân Việt (Hà-hồi, Ngọc-hồi, Đống-đa). Quân Tàu chết, thây nằm ngổn-ngang. Tướng nhà Thanh như Hứa-Thế-Thanh, Trương Sĩ-Long, Thượng Duy Thang đều bị giết giữa trận ; Sầm-Nghi Đống lại thắt cổ tự-tử. Tàn binh sống sót theo Tôn-Sĩ-Nghị tranh nhau xuống cầu qua sông Nhị-hà. Cầu đổ. Làn nước đo cuốn đi hàng nghìn các chú « con Trời ! »

Trưa ngày mồng bảy Tết, đúng như lời đã tuyên-bố, vua Quang-Trung vào thành Thăng-long, áo ngự-bào đen cả thuốc súng, trong lúc bọn Tôn-sĩ Nghị, đem theo cái mộng thôn tính nước Việt, mà ôm đầu chạy về Tàu !

***

Xuân đi xuân về không biết bao nhiêu bận ; mỗi lần xuân đến, chắc các bạn cũng không khỏi thắc mắc, bồi-hồi nghĩ đến xuân xưa oanh-liệt của nước nhà. Rồi trí liên-tưởng bắt ta nhớ đến các bậc anh-hùng khác như các bà Trưng, Triệu, đại-tướng Lý-Thường-Kiệt, Hưng-Đạo đại-vương, vua Lê-thái-Tổ cùng các vai anh-kiệt hữu danh, vô danh, đã từng có công với Tổ-quốc.

Thì nay, các bạn hãy cùng tôi, thổi lư trầm cho bốc cao ngọn khói thơm, mà kính cẩn cúi đầu truy niệm đến ông cha xưa đã giổi bao nhiêu máu, rải bao nhiêu xương để gây-dựng, tô-điểm, bảo-tồn giang-san cẩm-tú mà chúng ta đương chung hưởng ngày nay.

(Hết)

Mãn khánh DƯƠNG-KỲ

Cuộc thi văn-chương Alexandre de Rhodes về năm 1943

Thư-xã Alexandre de Rhodes tổ-chức hai cuộc thi văn-chương về năm 1943, trích 4000$00 để đặt các giải thưởng, và gia hạn đến trưa 1er Février 1943 là khóa sổ nhận các tác-phẩm dự-thi.

Hai cuộc thi này đã được giới trí-thức nước nhà cực-lực hoan-nghênh và nhiều nhà văn đã hưởng-ứng một cách nhiệt liệt. Một chứng-cớ là những tác-phẩm gửi đến dự-thi đã tới một con số không ngờ :

1·) Giải Gia-Long : 79 quyển quốc-văn chưa xuất-bản.

2·) Giải Alexandre de Rhodes: 48 quyển (dịch văn Pháp ra quốc-ngữ).

Thư-xã Alexandre de Rhodes đã cử một hội-đồng giám khảo gồm có các vị sau này :

Chánh Hội-đồng : Quan Lại-bộ Thượng-thư Phạm Quỳnh.

Hội viên : Các ông : — Nguyễn-văn-Tố tham-tá trường Viễn-Đông Bác-cổ, Chánh Hội-trưởng hội Truyền-bá quốc-ngữ, biên-tập tạp-chí Tri-Tân

— Vũ-đình-Hòe, chủ-nhiệm tạp-chí Thanh-Nghị.

— G. Pisier, đại-biểu thư-xã Alexandre de Rhodes.

Vì số tác-phẩm dự-thi quan-trọng và cần phải lựa lọc rất cẩn-thận, nên thời-hạn giám-khảo không thể nhất-định, trước khi công-bố kết quả.

Ta nên nhớ rằng : cuộc thi văn-chương của Thư-xã Alexandre de Rhodes năm nào cũng có. Về năm 1944, hạn khóa sổ nhận tác phẩm dự-thi định vào ngày 1er Février 1944.

Chắc còn hơn năm 1943, năm 1944 sẽ thêm nhiều văn-tài dự-thi, để khỏi phụ cái tiếng là dân một nước văn-hiến, để giúp cho công-cuộc Thư-xã Alexandre de Rhodes được nhiều kết-quả mỹ-mãn.

Một người đã dự vào việc làm bộ Đại-Nam quốc-sử diễn ca

ÔNG LÊ-NGÔ-CÁT (1827-1876)

VÂN-THẠCH

Ông Lê-ngô-Cát, tự Bá-hanh, hiệu Trung-mại, người xã Hương-lang, tổng Lương-xá, huyện Chương-mỹ, tỉnh Hà-đông, sinh năm Đinh-hợi, niên-hiệu Minh-mệnh thứ 8 (1827).

Thân-phụ huy Duệ, tự Ninh-phủ, hiệu Nhất-chân, nguyên Quốc-tử-giám giám-sinh, sau đỗ Cống-cử năm đầu Minh-mệnh, sung làm Nội-giám ba năm, nhân vì việc nhà xin cáo về. Thân-mẫu — con gái vị Đại-vương họ Chu người làng Cát-động, huyện Thanh-oai — sinh được ba giai và hai gái, ông Cát là con cả.

Bẩm tính thông minh, lại thụ-nghiệp với cha, ông học rất tân tới, mười lam tuổi đã làm được văn thơ mà sở trường về lối văn nôm. Những lúc nghỉ học, chỉ thích thả diều, ông có làm bài thơ chơi diều như sau này:

Xuân nhật nhàn du tác chỉ diên,
Bạch bì, trúc cốt, dực phiên-phiên:
Hung trung tố uẩn lăng vân chí,
Thừa bỉ hùng phong diệc lệ thiên.

Diễn nôm:

Ngày xuân thong thả, thả diều chơi,
Da giấy, xương tre (nan), bộ cánh dài.

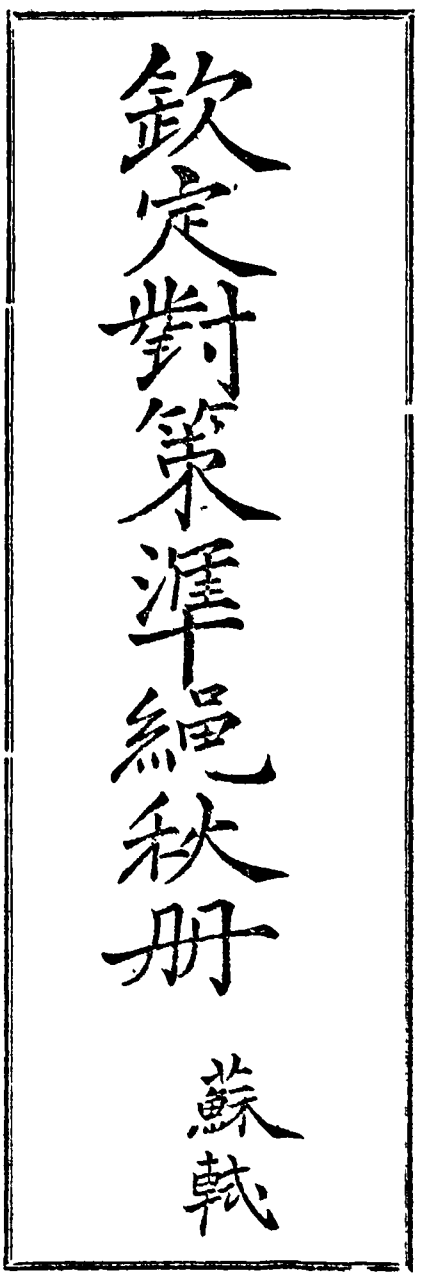

(Tư-tích ông Lê Ngô-Cát)

Thẳng bước đường mây lòng vốn ước,
Gió mây gặp hội cũng tung trời.

Một năm, giời làm đại-hạn, ruộng đất khô nẻ, ông theo người nhà đi tát nước đêm. Trong lúc canh khuya yên tĩnh, trang sao vằng-vạc, lại thêm gió mát hây hây, ông ngẫu-hứng vịnh ngay cảnh đẹp thiên-nhiên phô bày trước mắt và cái việc « nước » ông đương gánh-vác:

Giấc mộng Nam-kha khéo chập-chờn,
Giữ giời riêng một cảnh giang-sơn.
Cỏ cây vui thú, nằm yên nghỉ,
Sấm sét vang tai, dạ chẳng sờn.
Chênh-chếch đèn giăng soi chiếc bóng,
Hiu-hiu quạt gió phảy bên sườn.
Chút vì nỗi « nước » nên ra sức,
Bao quản phong-trần mảnh áo đơn.

Năm mậu-thân (1848), vua Tự-đức mới đăng quang, gặp kỳ ân-khoa, ông ra thi Hương, đậu Cử-nhân thứ 3, khi ấy ông 21 tuổi, năm sau được bổ giáo-thụ phủ Kinh-môn (Hải-dương), ít lâu lại

---

Tri Tân từ kỳ 84 này lại ra mỗi 24 trang như cũ.

Tiểu thuyết « Đêm hội Long trì » từ số sau trở đi, lại sẽ đăng tiếp

T. T

Hộp thư

Chúng tôi có tiếp được mandat 8$50 số 40343 162 ở Quốc Oai Sontây mà trong thư ký tên không rõ, vậy bạn nào gửi mandat ấy xin viết thư cho chúng tôi rõ địa chỉ để tiện việc sổ sách. Đa tạ trước.

Ô. Việt-lang, Vinh-Bộ. — *Hai bài ấy miễn đăng. Xin lượng thứ.*

Ô. Trịnh như Nhiếp S.F C.T. Hongay. — *Đã nhận được 4$50 tiền mua báo rồi cảm ơn.*

cải bổ Tri-huyện Thất-Khê (Lạng-sơn), dần dần thăng Hàn-lâm-viện Biên-tu !

Năm mậu-ngọ, niên hiệu Tự-đức thứ 11 (1858) có chỉ triệu ông về Huế làm việc tại quốc sử quán (1).

Ông cùng quan Tư-vụ Trương-phúc-Hào làm ròng-rã mấy năm mới xong bộ *Đại-Nam quốc-sử diễn ca*. Lúc dâng lên ngự lãm, vua Tự-đức trấy lời văn gọn-gàng minh bạch, các điều nghị luận xác-đáng không ruồm, liền ban khen và thưởng riêng ông hai đồng tiền vàng với một tấm lụa.

Nhân một buổi hội-họp anh em, có ông bạn đồng liêu nhắc đến việc ân-điển vừa qua.

Trong lúc cao-hứng, ông ứng khẩu đọc :

Vua khen thằng Cát có tài,
Ban một cái khố với hai đồng tiền.

Không ngờ câu văn được truyền tụng rồi tiếng đồn đến tai vua. Vua cho ông trong lúc đắc chí sinh ra ngạo-nạn, mới đổi ông làm Ân-sát Cao-bằng, kiêm chức Tán-tương quân-vụ.

Tuy được thăng quan, ông không lấy làm vinh. Ông đành từ-giã chốn kinh-đô tráng-lệ để cùng vài người thân-thích lên nơi « ma thiêng nước độc » đương đầu với giặc.

Thuở ấy, tỉnh Cao-bằng vì ở biên-giới nên hay bị toán giặc khách Ngô-Côn cướp phá, dân tình khổ sở, người Kinh phần nhiều tìm về quê lánh nạn.

Tỉnh thành luôn luôn bị công hãm, ông cùng ông em thứ hai là Lê-ngô-Học, làm Hiệp-quản, ngày đêm đốc-thúc việc tuần tiễu. Nhiều phen, ông phải tạm dời lỵ-sở hàng tháng, trải lắm nỗi gian-truân. Lòng ông chừng như chán nản muốn lui về vui thú điền-viên, ngạt trọng trách không giao cho ai được ; ông chỉ còn biết một mình than thở :

Giời đất sinh ta lại hẹp ta,
Tới lui sao luống những dần-dà.
Quan ba tháng một như tuồng mọi,
Tuổi nửa trăm dư (?) dễ muốn già.
Gạo dấu chen người thêm bận bịu,
Rượu bầu gặp khách đủ khi-khà.
Sân năm cây liễu, quê nhà đó,
Một khúc qui-lai ấy gọi là.

Qua một thời kỳ loạn-lạc, nhân có tang, ông xin cáo về. Hồi ấy, ông có làm bài thơ :

Duyên phận đâu mà dám sắt son,
Ta về, vườn cúc cũ ta còn.
Nhặt thêm phong nguyệt ngày thừa thãi,
Ôn lại « chi, hồ » lũ cỏn con.
Vui thú chi-lan hầu dễ ngán,
Nhớ mùi mục-túc vẫn là ngon,
Thị-phi thây cả nhân-gian chuyện,
Giữ lấy phù-sinh một cuộc tròn.

(Còn nữa)

VÂN-THẠCH

(1) Bộ Đại Nam thực lục (đệ tứ kỷ, quyển 18, tờ 18) chép rằng : Năm Tự-đức thứ 11, tức là năm 1858, vua sai ông Phan thanh Giản, Phạm Huy chọn ai giỏi quốc âm cắt ra sửa lại bộ Sử ký quốc ngữ ca và nối từ Lê — Trịnh đến sự tích vua Chiêu thống. Ông Phan thanh Giản có cử quan Biên-tu Lê-ngô-Cát, quan Tư-vụ Trương-phúc-Hào sung vào việc ấy.» Cuốn Sử-ký quốc-ngữ ca sau khi đã sửa lại lấy tên là Đại Nam quốc sử diễn ca.

Đến năm 1875, ông Trương vĩnh Ký — nhà bác học xứ Nam kỳ in quyển Đ.N.Q.S.D.C. ra quốc ngữ. Trong bài tựa, ông Trương vĩnh Ký lại nói rằng : « L'Histoire d'Annam en vers, dont nous publions la transcription, a été écrite, en 1860, par un mandarin annamite du nom de Lê ngô Cát, homme de forte érudition, chargé de la redaction des Annales de l'Annam sous le règne de Tự đức (12e année).....» (Tài liệu của Ứng hoè tiên sinh, xin cảm ơn tiên sinh). V. T.

Để tránh nạn thất học

« Nước Việt Nam ta sau này hay dở là ở chữ quốc ngữ » (Nguyễn văn Vĩnh). Vậy bà con trong thành phố ai ai cũng nên đến chiều 27 và chủ nhật 28 Février này đến dự ngày « Bánh Nước » tại Khai Trí Tiến Đức để lấy tiền giúp quỹ hội.

Hội Truyền Bá Quốc Ngữ

ĐÃ CÓ BÁN : ĐÀO-DUY-ANH

TRUNG QUỐC SỬ CƯƠNG

(Từ đời Thái-cổ đến ngày nay, quyển sách đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai mươi thế kỷ)

Giá bán : 3$00

VĂN-HÓA
29, Maréchal Pétain — Hu

Hai vở kịch

(Tiếp theo trang 11)

những cử chỉ thung-dung và những lời nói bình-tĩnh, Kinh-Kha dâng lên vua Tần cái thủ cấp của Phàn Ư-Kỳ và đến khi dâng bức địa-đồ đất Đốc cương, Kinh-Kha rút gươm tẩm thuốc toan ám sát vua Tần; song vua Tần thoát chạy khỏi. Kinh-Kha không giết được vua Tần, trai hũ bị vua tôi nhà Tần bầm nát thây.

Ngoài ra cuộc hỗn-loạn ở hồi thứ ba, vở *Kinh-Kha* còn có hai tấn thảm kịch ở hai hồi đầu, có thể làm tăng tánh cách bi thảm của vở kịch. Tiếc cho hai tấn thảm kịch ấy, tác giả cho xảy ra ở « trong buồng » bên ngoài sân khấu, làm giảm rất nhiều cái vẻ bi-tráng cho toàn thể và làm cho vở kịch ít cảm-động không « cụp lạc ».

Ông Vi Huyền-Đắc, ở hồi thứ nhứt, cho Điền-Quang tự sát ở ngay cửa quán; đợi đến khi có đứa nhỏ vào báo, Kinh-Kha với Tiệm Ly mới hay. Cách giàn xếp ấy không được hợp với sự thật, vì quán ở giữa chợ, là chốn đô-hội không tiện cho người ta tự tử; và một bực lão-thành có tiết-tháo như Điền-Quang bao giờ chọn một nơi đông-đảo để tự sát trước mắt thiên hạ? Một đàng khác, khi thấy Điền-Quang được đem vào quán, « con dao *đâm mạnh lắm*, còn cắm nguyên ở ngực Điền-Quang », « Kinh-Kha mới *dâng hết sức rút* mũi dao ». Nếu con dao đâm mạnh lắm và một dõng sĩ như Kinh-Kha phải rán hết sức rút ra, theo lý luận, con dao ấy phải do một tay dõng sĩ nào khác đâm vào ngực Điền-Quang, chớ không ai tin được mũi dao ấy do cái tay già yếu của Điền-Quang tự đâm vào mình. Vả chăng, theo ông Vi Huyền-Đắc, từ lúc Thái-tử Đan nhờ Điền-Quang đi tìm Kinh-Kha cho đến lúc Điền-Quang tự vẫn đã mất đi mấy ngày, trong khi ấy Điền-Quang có thể đem việc ấy tiết lậu ra trước khi gặp Kinh-Kha, thì ra việc Điền-Quang tự vẫn không đủ làm cho Thái-tử Đan tín nhiệm lòng trung thành của mình: sự tự vẫn của Điền-Quang đã vô ích vậy.

Phải chi, như trong *Người Ngàn Thu Cũ*, (1) tác giả cho Điền Quang tìm cách khích chí Kinh-Kha bằng câu nói: « Phàm kẻ cao-giả làm việc gì chớ nên để cho người ta nghi. Nay Thái-tử đem việc nước bàn với Quang này, mà lại dặn Quang chớ tiết lậu ra, đó là có lòng nghi Quang thay đổi vậy. Nhưng Quang này có khi nào muốn thành việc cho người mà lại để người hoài nghi mình được! Vậy Quang chỉ còn đem cái chết để tỏ lòng chung thủy của mình. Quang chết rồi, xin túc-hạ kíp đi báo cho Thái-tử biết. » (*Người Ngàn Thu Cũ, tr. 44*). Và phải chi khi Điền-Quang dứt lời, tác giả cho Điền-Quang « rút gươm ra tự sọc vào cổ mình » (*Ibid*), tự vẫn ngay trước mặt Kinh-Kha, phải giàn-xếp hồi thứ nhứt như thế, cái chết của Điền-Quang sẽ có nhiều giá-trị, vừa tỏ lòng trung thành của Quang đối với Thái-tử Đan, vừa khêu khích Kinh-Kha, vừa tăng thêm vẻ bi-thảm cho vở kịch. Và, nếu phải giàn xếp như thế, sau khi Quang đã gục chết, Kinh-Kha tỏ khi tiếc anh hùng một cách dõng-đạc, lúc màn hạ.

Trong hồi thứ II, tác giả đã sơ thất trong việc tính thì-giờ cũng như ở trong vở *Ông ký Cóp*. Thật vậy, theo vở kịch, từ lúc Phàn Ư-Kỳ xin cáo từ Thái-tử Đan đến lúc tên gia-đình của Phàn mang thư và thủ cấp của Phàn đến dâng lên Đan, thì-giờ rất ngắn. Trong giây phút ngắn-ngủi ấy Thái-tử

ĐÃ CÓ BÁN

THI NHÂN VIỆT NAM (1932-1941)

của HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

In lần thứ hai

HÌNH-ANH MỘT THỜI-ĐẠI ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ TRONG THI-CA NƯỚC NHÀ

Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Bìa của họa sĩ **Nguyễn đỗ-Cung**

Giá bán: *Loại thường: 4 $ 25, loại bouffant hảo hạng: 7 $, loại versé baroque crème: 20 $*

NGUYỄN ĐỨC PHIÊN xuất bản

Boite postale 34 Huế

Đan, Kinh-Kha, Tần Vũ-Dương và thị vệ trao đổi nhau có 17 câu nói ngắn mà thôi. Giây phút ấy không đủ cho Phàn Ư-Kỳ về nhà, viết thư, tự cắt cổ và không đủ cho gia-tướng của Kỳ mang 2 vật ấy trở lại Thái-tử Đan. Nếu cho Phàn Ư-Kỳ tự cắt cổ trước mặt Thái-tử Đan, lấy cớ đem cái thủ-cấp mình để mở then chốt vào cung Hàm-dương của vua Tần, vở kịch sẽ thêm biết bao bi-thảm, biết bao cảm-động và sẽ hợp với lý luận biết bao! Cái chết ấy sẽ tỏ cho bá quan, nhứt là cho Cúc-Vũ, thấy tấm lòng trung nghĩa và chí quyết hy-sanh của Phàn để đền đáp sự hậu đãi của Thái-tử Đan.

Về một loại ý-kiến khác, Kinh-Kha là một dõng sĩ « không còn biết gì là sợ-hãi trước cái dữ dội của biển ngàn, trước cái rộng lớn của trời đất, và trong sự dàn bề gớm ghiếc của vạn đội » (*Người Ngàn Thu Cũ tr. 35*). « mừng giận không hình ra sắc mặt » (*Ibid. tr. 41*), thật là một kẻ hào-kiệt trượng phu, thế mà ông Vi Huyền-Đắc cho Kinh-Kha phát lộ tức giận ba lần và ba lần đã cho Kinh-Kha toan rút gươm đối thủ với bọn võ-tướng Tần khinh mạn. Ông Vi Huyền-Đắc đã cho Kinh-Kha một cử-chỉ không anh-hùng chút nào. Thành thử cuộc gặp-gỡ giữa Kinh-Kha và võ tướng Tần đã chẳng làm tang phẩm-cách anh-kiệt của Kinh-Kha mà lại còn làm kém giá-trị của dõng-sĩ.

Phải chi cho bọn võ tướng Tần vào quán hành-hung dạng tỏ tánh tàn bạo của quân Tần và tỏ luôn sự hăm-dọa của Tần đối với Yên, cho chúng vào quán trước, khi chúng nổ ra đi bỏ lại những nạn nhơn ở quán, Kinh-Kha mới vào, nghe thấy tự sự, nổi trận lôi đình, rút gươm rượt theo quân tàn-bạo. Kinh-Kha vừa ra khỏi quán, gặp Điền-Quang đến tìm mình, dắt Điền-Quang vào quán, rồi, sau khi giao phó việc bảo thủ Yên cho Kinh-Kha, Điền-Quang tự sát.

***

Ở đây, tôi chỉ xem về phương diện kịch, xin gác ngoài sự so-sánh cốt truyện vở *Kinh-Kha* với cốt truyện trong *Người Ngàn Thu Cũ*, vì công việc sau này là một vấn đề khác.

***

Vở *Ông kỳ Cóp* thiếu nhiều hoạt-động; vở *Kinh-Kha* có thể rất hoạt-động, song tác giả làm ra tê-liệt mất đi. Trong *Hai Vở Kịch*, tác giả chưa đi đến mục-đích vậy.

TỐ PHANG

Chống nạn khan giấy

(Tiếp theo trang 5)

Quân địch của những người cầm bút là những quân đầu cơ đã bầy sẵn thế trận!

Trước sự ủng hộ của chính-phủ ở đây, của ủy ban về giấy, của các độc giả thân yêu, chúng ta nỗ lực phấn đấu với kẻ thù.

Hỡi các nhà cầm bút!

Hỡi các bạn chuyên môn về phóng sự!

Các bạn hãy vì lợi quyền chung đi bên nhà đương đạo, lôi ra ánh sáng những hành vi phi pháp của những quân đầu cơ giấy!

Chúng ta đã bản mình cho một sứ mệnh.

Chúng ta đang vui lòng hy-sinh cho một lý tưởng.

Đời của chúng ta là một cuộc chiến đấu với hết thảy mọi kẻ thù đến hơi thở cuối cùng.

Những quân đầu cơ giấy đang ngang nhiên tìm cách bóp chết chúng ta. Trước kẻ thù nguy-hiểm, ấy không bao giờ chúng ta chịu cởi giáp trước khi ra trận, không bao giờ chúng ta sợ thương tích, sợ cái nhục nhã của chiến bại!

Chúng ta, những nhà văn nhà báo, cần phải sống, sống những giờ phút vinh quang mãnh liệt để được vui vẻ trông thấy những kết quả của các nguyện vọng thiết tha đã từng nung nấu trong thâm tâm chúng ta. PHẠM MẠNH PHAN

Đón coi sắp tới:

ĐỜI LỚI THIÊM VỀ CHÚA NGUYỄN ÁNH và ĐẢO CÔN-LÔN

của Lê-Thọ-Xuân

Phê bình

« LUẬN VỀ TIẾNG NAM »

Ứng-Hoè viết

Nguyễn Văn Thắng, soạn-giả tập Kim Vân Kiều án, khác với Nguyễn Văn Thắng, tên cũ cụ Yên-đồ.

của H. B.

Một kỳ sau:

HOA-TIÊN TRUYỆN

của Đào Duy-Anh

VẤN-ĐỀ DỊCH SÁCH

của Đỗ-Thức

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENT CAO-DOT

Chuyên bán buôn và nhận đặt khoán các thứ hàng nội-hóa như:

Douppion, Shan-tung, Faux shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô, gạo, vân vân.

Nơi giao dịch:

Thơ bảo đảm và bưu phiếu xin gửi về cho M. Bùi thọ Cáo:

N. 2 Rue Strabourg

HAIPHONG

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0$50 bằng timbre để làm cước phí.

KIỀU-THANH-QUẾ

(Tiếp theo và hết)

MINH-hoàng biết Dương Quý-phi đã rõ hết sự tình, bèn cáo bình không chịu lâm triều, ở lại gác Tây-cung Thúy-hoa tìm cách che chở cho Mai-phi.

Dương Quý-phi giận dỗi bỏ ra về.

Nhưng Mai-phi cũng đã lén trốn về Thượng dương cung rồi.

Minh-hoàng truyền cung nữ gói đôi hài cánh phượng của Mai-phi bỏ quên lại, đem giao trả cho nàng.

— « Nhà vua nay đã thật lòng bỏ ta rồi sao ?

Mai-phi hỏi qua giòng lệ.

Cung-nữ đáp ;

— Tâu lịnh bà, quân-vương lòng vẫn còn qui mến lịnh bà ; nhưng lại có bụng kiêng-nể Qui-phi...

— Đã yêu ta, sao lại còn sợ con tiện-tỳ ấy ? Chẳng qua quân vương hết sủng ái ta đó thôi !...

Từ đó, Mai-phi ngày đêm nghĩ cách mua chuộc lại tình yêu của nhà vua. Nàng nhờ Cao lực sĩ tìm người hay chữ, mướn làm giùm mình một bài phú, theo kiểu *Trường-môn phú* của Tư-mã Tương-Như ngày xưa làm giúp một bà hậu phi, để nhen lại lửa lòng yêu-thương của Hán Vũ-đế.

Nhưng họ Cao sợ thế lực Dương Qui-phi, cho Mai-phi hay :

Chẳng tìm đâu ra một chàng Tư-mã thứ hai được.

Thế là Mai-phi buộc lòng tự mình làm ra bài phú *Lâu đông* :

Ngọc giám trần sanh,
Phung âu hương điền.
Lai thiền mấn chi xảo sơ,
Nhàn lũ y chi khinh luyện.
Khổ tịch mịch vu Huệ-cung,
Đãn ngưng tư hồ Lan-điện !
Tín phiêu-lạc chi mai hoa,
Cách tràng môn nhi bất kiến !

Tùng-Vân Nguyễn Đôn-Phục dịch nghĩa :

...Kính ngọc trần dơ,
Hộp loan hương tầy.
Đầu biếng chải đầy,
Áo buồn gắp đầy.
Cảnh Huệ-cung tịch-mịch thương thay !
Hồn Lan-điện bâng-khuâng xiết mấy !
Cánh hoa mai tan-tác biết về đâu ?
Ngao-ngán nỗi Tràng an trông chàng thấy...

Rút sợi tơ lòng phổ xong trên mảnh hoa tiên, Mai-phi uể-oải đứng dậy, ra hiên hoàng-cung hóng mát. Vén bức châu liêm, nàng đưa rộng tầm mắt ra xa tận chơn trời, tới tập ngàn cây bóng núi ở phía Đoài, thoạt cát bụi tung trời : một đoàn người ngựa nhằm hoàng thành hăng-hái tiến-tới.

Mai-phi nhớ lại hồi còn được nhà vua sủng-ái, năm năm đều có sứ-giả đất Giang-nam tiến kinh, cống hiến hoa mai. Nàng lẩm bẩm : « Giang-nam bửu vật hiếm lắm : chỉ có hoa mai !... » rồi gọi một cung-nữ hỏi :

— Phải chăng đó là đoàn mai hoa sứ ở đất Giang-nam ?

— Tâu lịnh bà, đó là đoàn lệ-chi sứ-giả ở đất Lĩnh-biểu tiến Kinh, cống hiến quả lệ-chi cho Dương Qui-phi.

Mai-phi chau mày, cõi lòng tan nát !...

Nhưng, đối với Mai-phi, Đường-Minh-hoàng ân tình vẫn chưa tuyệt. Một hôm, vua đang yến ẩm ở Hoa-ngạc lâu, chợt có sứ-giả đất Đông đô đến. Vua bèn nhờ tay sứ-giả Đông-đô đem về Thượng-dương cung trao tặng Mai-phi một vốc trân châu đẹp. Mai-phi từ tạ không nhận lãnh, lại viết một bài thơ,

nhờ sứ-giả mang đến cho vua. Thơ rằng :

Liễu diệp song mi cửu bất miêu,
Tàn trang hòa lệ thấp hồng tiêu !
Tràng-môn tự thị vô sơ đầy,
Hà tất trân-châu ủy tịch liêu ?

Tùng Vân dịch nghĩa :

Mày liễu lơ-thơ có biết không ?
Phấn tàn hòa lệ thấm khăn hồng.
Tràng-môn trải gội vì ai đó,
Thêm gối trân châu để bận lòng !...

Minh-hoàng xem thơ rất ngậm ngùi, bèn truyền nhạc phủ đem lời thơ áo não phổ thành khúc nhạc âu sầu, lấy tên là :

Nhất học trân châu khúc.

Tuy nhiên, Minh-hoàng vẫn một mực sủng-ái Dương Quý-phi và ngày đêm say mê khúc múa của Quý-phi — một khúc múa tuyệt luân : *Nghê thường vũ y-khúc.*

Quý-phi được quân-vương coi như vàng ngọc, nhưng lại đãi quân-vương bằng sự trắc nết lang tâm : nàng nuôi làm con trong cung cấm tên rợ Hồ bụng phệ An-Lộc Sơn, để cùng nhau thông dâm đêm ngày !...

Minh-hoàng ngu muội cứ nghe lời Qui-phi, phong quan tước, giao binh quyền cho An-Lộc-Sơn, mãi. Để rồi Lộc-Sơn, đất Ngư-dương khởi loạn, kéo binh về kinh làm « khúc Nghê-thường tan biến như không », đánh đuổi Minh-hoàng cùng tướng-sĩ vào Ba thục.

Trong lúc xuất bôn, Minh-hoàng 1 bước vẫn không rời Qui-phi. Thế cho đúng với câu cả hai đã có lần cùng thề thốt với nhau : « Đời ta sống làm chim liền cánh, chết làm cây liền cành ».

Nhưng khi chạy tới gò Mã-ngôi, tướng-sĩ phẫn dâi, không chịu chiến đấu nữa ; bức nhà vua phải đem giết Qúi-phi, nhiên hậu mới chịu đánh giặc vì cho rằng Qúi-phi là cội nguồn của giặc rợ Hồ, An Lộc-Sơn.

Minh-hoàng tuy không coi giang san làm trọng, nhưng thấy tướng-sĩ cả-quyết quá, biết khó châu-toàn cho Qúi-phi được, bèn ban cho nàng mấy thước lụa đào, để nàng đủng tự ải cho dạng toàn thây.

Qúi-phi chết rồi, Tướng-sĩ vui lòng nỗ lực đánh tan giặc, đem vua về triều, giữ vững chiếc âu vàng.

Từ đó, « bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng » Dường Minh-hoàng ngất ngưởng trên ngôi báu, tọa hưởng giàu sang sung sướng ! . . . Nhưng vào những lúc đêm thâu buồn tanh, chốn thâm cung, ngoài vườn vắng, đâu đâu cũng tràn kỷ-niệm của một thời ái ân qua . . . , hãy còn sơ sót vị hương thừa ! . . .

Đêm khuya, nằm không ngủ được, bàng-hoàng chỗi dậy, Minh-hoàng khoác áo, đầu đội mũ lệch, mở rèm châu, lần bước xuống thềm, ra ngoài vườn vắng . . . Ngọn gió đêm hiu-hắt thổi bay tà áo minh khiến nhà vua mơ màng nhớ lại khúc *Vũ y* nam nọ của Qúi-phi :

Cầm áo dậy thần-thơ buồn bực,
Mở rèm châu bình bạc lần ra.
Bàng khâng nửa mảt mây tà,
Thềm cao xuống chiếc mu hoa lệch đàu.
Phơi-phới áo bay mau ngọn gió,
Múa Vũ y năm nọ còn như.
Lệ tràn một ngọc lưa-thưa,
Cành hoa lê trĩu hạt mưa xuân đầm ! . . . (1)

Và nhìn cảnh phù-dung mãn khai, Minh-hoàng làm sao khỏi tư-tưởng đến mỹ-nhân « nhan như ngọc » :

Phù dung đó mặt ai đâu tá ?
Mày liễu đâu ? cho là còn như !
Càng trông hoa liễu năm xưa,
Càng xui nước mắt như mưa rót đầm ! . . . (2)

Càng tưởng nhớ Dương Qúi-phi, Minh-hoàng lại càng thương tiếc Mai-phi. Nhà vua tưởng Mai-phi trong cơn binh hỏa thất lạc đi nơi nào, nên xuống chỉ ban tước quan tam phẩm, tặng thưởng kim tiền trăm vạn cho ai tìm ra được tông-tích Mai-phi.

Nhưng than ôi ! Ngày lại ngày, tông-tích Mai-phi vẫn mịt-mùng tam cả ! . . .

Mãi lâu sau, mới có một hoạn-quan đem dâng vua một bức họa vẽ hình Mai-phi, trong có một bài thơ của một kẻ vô danh đề rằng :

Ức tích kiều phi tại tử thần,
Tích hoa bất ngữ đắc thiên chân.
Sương tiêu tuy tự đương thời thái,
Tranh nại kiều ba bất cố nhân !

Tùng-Vân dịch nghĩa :

Nhớ xưa người đẹp ở trong cung,
Cái đẹp thiên nhiên lọ chuốt hồng.
Tuy nét xuân sơn in vẻ cũ,
Nhưng làn thu thủy liếc ai không.

Minh-hoàng đọc thơ xong, khóc cầm được giọt lệ.

(Xem tiếp-trang 21)

BÁ ĐA LỘC với HOÀNG TỬ' CẢNH

Số II

NGUYỄN-TRIỆU

Thày ra đi gian-nan khổ-hạnh ; con thuyền đi vòng Phi-châu một năm rưỡi mới tới đảo Madagascar ; đến nam sau là ngày 21 juin 1766 tới Pondichéry và 22 septembre tới Áo-môn và mãi đến cuối Décembre mới sang tới đất Nam-kỳ. Bấy giờ quan tổng binh Nam-triều là Mạc Thiên-Tứ (1) đã cho phép các cố đạo lập trường dòng ở Hòn-đất (2). Nhà dòng bấy giờ lợp bằng tre lá, có được chừng 40 tín-đồ, người Nam, người Tàu và người Xiêm. Ngày 11 Mars 1767 Đức Thày Bá Đa Lộc mới tới đó.

Được vài năm, hôm 13 Novembre 1767, nhân có bọn giặc cỏ Tàu và Miên tới cướp phá nhà dòng, giết chết ba người Nam trong bổn đạo và đánh cố Artaud trọng thương mất ngày 28 Novembre 1769, nên Đức thày cùng cố Morvan phải bỏ Hòn-đất. Ngày 11 Décembre 1769 Đức Thày lại gọn hết cả xuống thuyền rồi dời đi Malacca và tới nơi vào ngày 3 janvier 1770.

Bấy giờ khắp nước Nam đâu đâu cũng có giặc nổi lên cướp phá và chúa Nguyễn là vua chính-thống thì cứ thua mãi, nên Đức thày luống những tiến thoái lưỡng nan, không còn biết đi đâu : ở lại không yên và đi sang Xiêm hay Cao-mên thì cũng không hơn gì !

Đức Thày bèn quả-quyết tiện đường trở về Pondichéry, nương nhờ bóng cờ ba sắc ở đấy mà truyền giáo cho được yên-ổn, đợi dịp sẽ liệu. Hồi tháng Juin 1770, Đức thày lập trường dòng ở làng Viram-patman cách Pondichéry chừng một cây số và ở đến đầu tháng juillet 1774 lại đi Áo-môn và đến ngày 16 Septembre thì tới nơi. 12 Mars 1775 Đức-thày lại đến Hà-tiên nương nhờ các quan Nam-triều mà giảng-đạo. Bấy giờ là lúc Trịnh Nguyễn đang đánh nhau ; quân Hoàng ngũ-Phúc phạm tới Phú-Xuân, Hiếu-định vương là chúa Nguyễn phúc-Thuần cùng cháu ruột là Phúc-Ánh vượt bể chạy vào Nam. Quân Tây-sơn nổi lên lung-tung, đánh phá tự Quảng-nam Quảng-ngãi rồi lần tiến vào đến Nam-kỳ.

Sau khi Duệ-Tôn Nguyễn phúc-Thuần bị quân Tây-sơn hại ở Long-xuyên (nay là Camau) ngày 18 tháng 9 năm đinh-dậu (Décembre 1777) và Tân chính Vương Phúc-Dương cũng bị bắt ở Ba-Vạt (hạt Bentre) thì giòng họ nhà Nguyễn chỉ còn được chúa Phúc-Ánh là cháu gọi Duệ-Tôn bằng chú, trốn thoát được song *tiết-chế* Nguyễn văn-Lữ truy tầm đuổi bắt cho bằng được để giết đi cho tuyệt. Chúa Nguyễn-Ánh và mấy vị quan đi theo lạc chạy vào nhà giòng đức-thày Bá-Đa-Lộc được đức thày che chở và giấu được nên tôi chúa nhờ vậy mà thoát nạn.

Bấy giờ đâu đâu cũng có giặc nổi lên ! Ở nước Nam thì thế và ở đất Cao-mên thì cũng chẳng yên ổn hơn, nên Đức-thày lại muốn đem trường dòng sang đất Xiêm ở Chantaboun mà nương náu chờ thời. Sau thấy thời cuộc đã tạm yên, Đức-thày lại đem nhà dòng về đất Nam-kỳ lập ở bên sông Thị-nghè mà nay tức là ở nơi cạnh sau nhà Bảo-tàng Blanchard de Labrosse trong Sở-thú ở Saigon. Đông-dương học hội cũng đã có dựng một tấm bia kỷ-niệm ở đó.

Bấy giờ chúa Nguyễn-Ánh đã thu phục hẳn được thành Sài-gòn, đóng ở Bến-Nghé. Giữa chúa Nguyễn và Đức thày, tình bầu bạn, nghĩa tâm giao mỗi ngày một thêm bền chặt. Và ngay bắt đầu trận thua ở cửa Cần-giờ hồi tháng 3 năm nhâm-dần (Mars-Avril 1782) cũng đã có chưởng-vệ Mạn-Hòe (3), tức Manuel, là một người Pháp giúp việc trong nhà dòng mà Đức-thày cho xuất-trận đánh giúp Nguyễn-vương. Trận này Mạn-Hòe tử trận một cách anh-hùng can-đảm mà sau này Vương truy-phong cho là Phụ chính Thượng tướng quân An-hòa hầu và thờ tại đền Hiển-Trung trong trại Ô-ma ở Saigon bây giờ.

Sau khi thua trận này, chúa Nguyễn Ánh thua mãi, tuy có cầu-viện được quân Xiêm sang giúp, song lại bị quân Nguyễn-Huệ phá tan ở Mỹ tho và trái lại lương dân còn bị quân Xiêm tàn phá là khác ! Đức-thày khuyên Vương chỉ còn một kế là sang cầu viện Pháp-hoàng và cần phải cho Hoàng-tử sang làm tin mới được. Bấy giờ Vương có thua mãi và không còn trông cậy vào nước Xiêm được, nên đành nhất định giao Hoàng-tử Cảnh, năm ấy mới

4 tuổi cùng quốc ấn và một bức thư riêng ủy thác các việc cho Đức thày tự tiện mà thương-nghị với Pháp đình để xin cứu viện và lại sai hai quan đại-thần là Phó vệ úy. Phạm-văn-Nhân và Cai-cơ Nguyễn-văn Liêm đi theo phò để giữ-gìn Hoàng-tử.

Mùa đông năm Giáp-thìn (Décembre 1784), Đức thày Bá Đa-Lộc dắt Hoàng-tử Cảnh cùng hai quan đại-thần đi sang Pondichéry, mãi đến năm Bính-Ngọ (Juin 1786) đáp tàu « Malabard » về Pháp. Xuân Đinh-vị (Février 1787) tới cảng Lorient nước Pháp.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU

1·) *Xem Tri-Tân số 50 trang 23 cước chú 13.*

2·) *Ở hạt Kampot (Cao-miên) cách Hà-tiên chừng 10 cây số.*

3·) *Xem Tri-Tân số 9 trang 17.*

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng mong chờ, cũng nên đọc dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của **Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hanội : *Hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông*
Huế : *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Pétain*
Saigon : *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng. Xin đặt trước nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

Hoa mai

(Tiếp theo trang 19)

Ít lâu sau, một buổi trưa, nàm thiu-thiu ngủ, nhà vua thấy Mai-phi hiện về, rơi lụy kể-lể :

— Thuở trời dắt nổi cơn gió bụi, quân-vương xuất bôn, xa lánh khỏi Trường-thành, tiện-thiếp chết trong đám loạn quân. Có kẻ thương hoa tiếc ngọc, chẳng nỡ để thiếp hoại thể, đem vùi nông nơi xương tàn dưới gốc mai già, rủ ngọn về đông, trên bờ ao...

Khi tỉnh dậy, nhà vua truyền quân hầu vác cuốc xuống ra bờ ao Thái-dịch đào xới tìm kiếm. Vẫn không thấy gì!... Sau vua nghĩ ra rằng : ở ven ao Thang trì của Ôn tuyền, có hơn chục gốc mai già rủ ngọn về đông. Vua ngự xa giá ra tận nơi ấy, sai quân đào xới từng gốc mai, tìm thi-hài Mai-phi.

Tìm được chỗ vùi ngọc rồi, Minh-hoàng truyền lấy lễ hoàng phi cải táng nàng rất trọng hậu.

***

Lộc mê mải kể chuyện.

Mai mê mải nghe.

...Thoáng chốc, cô thôn khuất bóng hoàng hôn, và trăng tròn vành vạnh ở phía đông lên gần giữa trời.

Trang rằm đêm xuân mộ cũng đẹp chẳng kém trang rằm tháng đầu xuân. Chỉ có hoa mai là buồn rầu bay tơi tả...

Mai nghe em thuật chuyện Mai-phi, rồi lại bồi hồi nhớ tới chuyện mình : đời Mai sao mà tan tác như thế ?...

Mai nhớ lại sau khi vợ chồng chia tay nhau, có một đêm trăng rằm mùa xuân như đêm nay. Hai ở Cần-thơ lần mò vào Bình-thủy đến « Mai-trang », tìm hồn tháng Xuân. Lòng cha bấy giờ mạnh hơn lòng tự-ái trong thâm tâm chàng.

Hải cho Mai hay chàng đã bỏ Hằng và ngỏ ý muốn làm lại cuộc đời với Mai. Nhưng bấy giờ, vì lòng tự ái vô ý thức quá mạnh, để trả thù sự bị ruồng bỏ trong bao nhiêu năm, Mai cự tuyệt Hải, khiến Hải phải lủi thủi ra về.

Hải đi rồi, Mai mới tiếc và hối hận.

Và kể từ đó, mỗi độ xuân về, trăng tròn, mai rụng, Mai đều háo tức chờ trông Hải trở lại với mình, với con.

Nhưng Hải bởi bị hụt hẫng một phen, cũng vì lòng tự ái vô ý thức quá mạnh, không bao giờ trở lại Mai trang tìm hồn con lần nữa.

...Mà nay lần mai lữa ngày xuân qua!...

Ôi! lòng Mai thổn-thức bao mối hận, mỗi khi nàng mắt mờ lệ, nhìn thềm xưa, thấy mai rụng, bóng trăng mờ!...

(Hết)

KIỀU THANH QUẾ

Vient de paraitre

RECUEIL DE DICTÉES

données au Certificat d'études primaires et aux concours d'admission aux Etablissements Primaires Supérieurs par DUONG QUANG HAM professeur

Un volume de 200 pages, 3e édition — Prix 1$20
Port 0$38 — Ecrire : Đông Tây, 195, rue du Coton — Hanoi

Nói chuyện tại hội Trí-Tri Nam-định

TÌNH TRẠNG NỀN HỌC XƯA VÀ CHÍ HƯỚNG NGƯỜI HỌC TRÒ XƯA

Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU

Dưới đầu đề này, hồi 20 giờ 30 ngày 3 Décembre 1942, ban Nhật-Nham Trịnh như Tấu Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ bản-chí biên tập viên, đã nói chuyện giúp ban giáo khoa hội Truyền bá quốc ngữ tại hội quán hội Trí Tri Hanoi. Cuộc nói chuyện ấy đã hấp dẫn một số đông thính giả đủ các giới và rất được hoan nghênh. Các báo chí tây nam đã từng tường thuật, chúng tôi không cần phải nói thêm nữa.

Theo nhời mời của ông Ngô ngọc Kha, Chánh hội trưởng hội Trí Tri Nam định, bạn Nhật-Nham lại đem câu chuyện này xuống Nam thành trình bày trước một số đông trí thức của đất văn vật, hồi 20 giờ 30 tối thứ bảy 16 janvier 1943. Câu chuyện có sửa đổi lại và bổ túc thêm, nên tại Nam định cũng như tại Hà-thành, diễn-giả đã được công-chúng chú-ý.

Dưới đây, xin đăng nguyên văn câu chuyện nói tại hội-quán hội Trí-Tri Nam-định tối 16 janvier 1943.

TRI - TÂN

Thưa các bà,
Thưa các ngài,

Tối thứ năm 3 Décembre 1942, tôi đã đem câu chuyện « Tình-trạng nền học xưa và chí-hướng người học trò xưa » trình bày trước một số đông thính-giả đủ các giới tại hội quán hội Trí-Tri Hà-thành.

Ngày hôm nay, tôi lại đem câu chuyện ấy ra hầu các ngài, được các ngài quá yêu tới chứng kiến đông như thế này, tôi rất lấy làm cảm-động, không biết lấy gì tạ ơn được. Tôi tự biết: nhắc đi nhắc lại một chuyện, sẽ làm cho câu chuyện ấy giảm phần hứng thú. Song thiết nghĩ: tuy cùng một đầu đề, nhưng nói tại hai nơi khác nhau, trước thính giả hai vùng, và câu chuyện về văn học đem trình bày tại một hội học của đất nghìn năm văn vật, tưởng cũng chưa đến nỗi vô chí vậy. Cho nên, theo nhời yêu-cầu của ông Chánh-hội-trưởng bản hội, tôi xin thuật lại câu chuyện đã nói tại Hà-thành nhưng có bổ-túc thêm và có sửa đổi lại cho hợp với hoàn cảnh.

Câu chuyện này tôi đã được các bậc cao-minh ở Hà-thành lấy lượng mà hoan-nghênh, tôi còn mong các ngài lấy lòng thành-thực mà chỉ giáo cho những điều khuyết-điểm.

Thưa các bà,
Thưa các ngài,

Đêm mồng mười tháng tám mới rồi, san khi dự lễ kỷ-niệm cụ Tiên-Điền tại hội-quán hội Trí-Tri Hà-thành tôi ra về với một vẻ hân-hoan là đã đầy đủ bổn-phận đối với một nhà đại-thi-hào của đất nước.

Trông lên một mảnh trăng thu vằng vặc giữa trời, tỏa ra một bầu ánh sáng êm dịu, chiếu xuống mặt hồ Gươm phẳng lặng in bóng liễu thướt-tha trước làn gió thu hiu-hiu thổi. Mây lẫn nước xanh, nguyệt lồng hoa thắm, đối cảnh trạng thanh gió mát, không thể vô-tình mà không nhớ tới mấy câu khiển-hứng:

« Kim dạ nguyệt minh nhân tận vọng,
Bất tri thu tứ tại thùy gia ? »

Nghĩa là:

Trăng tỏ, đêm nay, ai cũng ngắm,
Tứ thu nào biết ở nhà ai ?

Dưới bóng thiềm, tôi lững thững dạo qua các phố xem quang cảnh tết Trung-thu. Hai bên hè phố Hàng Gai, bầy la-liệt những ông tiến-sĩ bằng giấy, đủ cả mũ, áo, hia, hốt, cân đai, cờ, biển, đúng như bài thơ của cụ Tam-Nguyên Yên-Đổ:

« Cũng cờ, cũng biển, cũng cân-đai,
Cũng gọi ông nghè, có kém ai!
Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng,
Nét son điểm rõ mặt văn-khôi.
Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?
Cái giá khoa-danh, ấy mấy hời!
Ghế chéo, lọng xanh, ngồi bảnh chọe,
Nghĩ rằng đồ thật, hóa đồ chơi!

Đứng trước cảnh tượng ấy, trong óc tôi bỗng nảy ra một quan-niệm.

Trông thấy các ông nghè bằng giấy bày la-liệt hai bên hè phố Hàng Gai, ai chẳng tưởng-tượng đời xưa các ông tiến-sĩ đỗ rất nhiều, thi-cử xưa rất dễ-dàng, nên « cái giả khoa danh ấy mới hời ». Nhưng có biết đâu trước khi nhờ « mảnh giấy làm nên thân giáp bảng » và được « nét son tô-điểm mặt văn-khôi », người học trò xưa phải khổ-tâm luyện trí, rèn tài, sôi kinh, nấu sử, phải vượt qua bao nỗi khó khăn về vật-chất cũng như về tinh-thần, mới chiếm được bảng vàng, thành danh tiến-sĩ.

Việc học đời xưa rất là phức-tạp mà người học-trò đời xưa không thể không kiên-nhẫn mà đi tới đích được.

Việc học đời xưa được phổ-cập khắp các nơi, sự truyền bá học vấn được tự-do, nên từ thành thị đến thôn quê, từ trung châu đến miền sơn cước, đâu đâu cũng có trường tư-thục để dạy học trò học đọc, học viết, học làm câu đối, làm văn và đồng-thời, cũng dạy cách ăn nết ở cho thiếu-niên nữa.

Những trường ấy do ông thầy tự mở ra, hay một làng, một nhà quyền quý, một nhà giàu có lập ra cho con em trong nhà và người đồng-hương cùng học. Ông thầy thì hoặc là hưu quan, hoặc là ông nghè, ông cử, ông tú hay ông đồ. Tiếng ông đồ xuất-xứ từ đời Hậu-Lê Triều-Lê lấy đỗ sinh - đồ tức là tú-tài ngày nay, sau người mượn tiếng ấy để tặng những người học giỏi mà thi chưa đỗ.

Trước khi cho con học, cha mẹ mượn thầy thông-minh đức hạnh, nhờ lựa ngày lành khai tâm cho con. Đúng ngày, cha mẹ phải đem lễ sôi gà hay thủ lợn, trầu, rượu đến nhà thầy để thầy làm lễ khấn Thánh-sư, Tiên-hiền, là những bực xưa kia đã soạn sách cho học trò học.

Lễ xong, học-trò lễ thầy hai lễ để chịu ơn, rồi bắt đầu học sách *Tam-tự-kinh* tập viết, tập làm câu đối.

Cách trừng - phạt học-trò rất nghiêm khắc học trò làm câu đối thất-luật hay viết chư mất nét thì phải vòng mep: Thay cầm bút son vòng hình bán - nguyệt vào mép học-trò, học-trò phải để nguyên cho đến khi về nhà mới được rửa, để cha mẹ biết lỗi của con mà răn dạy.

(Còn nữa)

Nhật-Nham TRỊNH NHƯ TẤU

Giải thưởng năm 1942 của Hội Khuyến Học Nam-kỳ

Chiến-tranh lan tràn. Mỗi vật đều hết, đều khan, Giấy cũng thế mà mực cũng thế. Tuy vậy mặc dầu, sách vở trong năm 1942 cũng vẫn in ra, ra nhiều không thua mấy năm trước.

Tiếc thay! trong đám nhiều ấy, chúng tôi không gặp được một tác-phẩm nào xuất-sắc.

Văn-học ta bẳn lùi chăng? Quyết không. Văn-học ta vẫn đi tới. Bằng-chứng là nó đã xây hướng: từ văn tiểu-thuyết mơ-màng lãng-mạn để chơi, tới văn khảo-cứu chặt-chịa nề-nếp để học. Nhưng có lẽ vì mới đổi đường, chưa quen thuộc lắm, cho nên phần đông văn sĩ ta có dáng ngại-ngùng, chưa mạnh chơn thẳng bước.

Nhưng không vì thế mà hội Khuyến-Học không khuyên người học.

Giải-thưởng năm 1942 cứ phát. Chẳng phát được trọn cho một tác-phẩm, thì chúng tôi chia nó ra làm ba, mỗi phần về:

Ông LƯU-HỮU-PHƯỚC, sanh-viên trường Đại-Học Đông-Dương, tác-giả bản âm nhạc « Sông Bạch-Đằng ».

Ông LÊ-CHÍ-THIỆP, tác-giả quyển « Triết-học Bergson ».

Ông KHUÔNG-VIỆT, tác-giả quyển « Tôn-thọ-Tường » để tỏ lòng khuyến-khích.

HỘI KHUYẾN - HỌC NAM - KỲ THÔNG CÁO

Ba phần thưởng trên theo thiển kiến chúng tôi rất là đích đáng. Bản chí xin có lời mừng riêng ba bạn Lưu-hữu-Phước, Lê-chí-Thiệp, Khuông-Việt mà các bạn đọc đã từng thấy tên ở dưới các bài trong Tạp chí này. *T. D.*

RẺ! HAY! ĐẸP!

đó là 3 cái đặc-điểm các sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được.

—*—

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho
Nhà in MAI-LINH — Hanoi
Tổng phát-hành

MỚI XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU

Theo bản Pháp văn của ông **Nguyễn-văn-Vĩnh** *330 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4$00 mới có lãi mà Loại giấy thường bán có 2$00 (cước 0$54) Loại đặc biệt 7$00 (cước 0$60)*

Lược-khảo Việt-Ngữ

Một bài khảo cứu có giá trị của ông **Lê-văn-Nưu** *đã được giải thưởng của báo Patrie Annamite (ngót 100 trang). Loại thường bán có 0$50 (cước 0$32). Loại đặc biệt 4$00 (cước 0$47)*

SẮP XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn

La Fontaine

Pháp văn và bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH. Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH (150 trang) khổ to 17×23. Loại thường bán có 1$00 (cước 0$40). Loại đặc biệt bán có 5$00 (cước 0$54)

NHỮNG SÁCH CỦA

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

1) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p. 25
2) *Việt nam văn phạm,* Trần-trọng-Kim 3p. 00
3) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 4p. 00
4) *Phật lục,* Trần-trọng-Kim, 0p. 80
5) *De Hanoi à la Courtine* Phạm duy Khiêm 1p. 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin gửi trước.

1 Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

QUYỂN THỨ I : 1$20

QUYỂN THỨ II : 1$50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị họp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN

SẮP PHÁT HÀNH

I. Thanh Niên

VÀ

Thực Nghiệp

của Lê văn Siêu — Bàn về cách chọn nghề của thanh niên và cách hoạt động về thực nghiệp để đoạt được sự thành công

II. Nhân Loại Tiến Hóa Sử

của N. Bách Khoa — Khảo về cuộc tiến hóa đồ sộ của loài người từ thượng cổ đến hiện đại

ĐÃ XUẤT BẢN

THẰNG KÌNH

tiểu thuyết giáo dục của **Nguyễn-đức Quỳnh** *3$50*

NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

của Nguyễn-bách-Khoa 3$50

REVUE TRI-TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quế
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi